

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *M* /2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bạc Liêu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 1 năm 2018.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Bạc Liêu;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIÊN TỈNH BẠC LIÊU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2018/TT-BTNMT
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liên tỉnh Bạc Liêu được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liên tỉnh Bạc Liêu.

2. Danh mục địa danh tỉnh Bạc Liêu được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”; TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”; TX. là chữ viết tắt của “thị xã”; H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng” là toạ độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị toạ độ tương ứng theo cột “Toạ độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị toạ độ tương ứng theo 2 cột “Toạ độ điểm đầu” và “Toạ độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hoá ở cột “Địa danh”.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH BẠC LIÊU

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bạc Liêu gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Bạc Liêu	3
2	Thị xã Giá Rai	10
3	Huyện Đông Hải	23
4	Huyện Hoà Bình	34
5	Huyện Hồng Dân	43
6	Huyện Phước Long	59
7	Huyện Vĩnh Lợi	73

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khóm 1	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 18' 52"	105° 43' 13"					C-48-68-A-d
Khóm 5	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 53"	105° 43' 23"					C-48-68-A-d
Khóm 6	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 44"	105° 43' 21"					C-48-68-A-d
Khóm 7	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 40"	105° 43' 41"					C-48-68-A-d
Khóm 8	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 37"	105° 43' 54"					C-48-68-A-d
Khóm 9	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 45"	105° 44' 04"					C-48-68-A-d
Khóm 10	DC	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 18' 04"	105° 44' 07"					C-48-68-A-d
chùa Linh Châu	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 47"	105° 44' 07"					C-48-68-A-d
chùa Vĩnh Đức	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 34"	105° 43' 44"					C-48-68-A-d
đường Cách Mạng	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 17' 26"	105° 43' 34"	09° 18' 13"	105° 44' 36"	C-48-68-A-d
đường Trần Huỳnh	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 17' 32"	105° 42' 44"	09° 18' 10"	105° 43' 58"	C-48-68-A-d
miếu Thiên Hậu Cung	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 27"	105° 43' 43"					C-48-68-A-d
quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 19' 02"	105° 48' 59"	09° 18' 48"	105° 43' 06"	C-48-68-A-d
Trường Đại học Bạc Liêu	KX	Phường 1	TP. Bạc Liêu	09° 17' 50"	105° 43' 34"					C-48-68-A-d
kênh Bờ Bao	TV	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 19' 21"	105° 43' 42"	09° 18' 16"	105° 44' 32"	C-48-68-A-d
kênh Cái Giá	TV	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 18' 39"	105° 44' 13"	09° 18' 11"	105° 43' 37"	C-48-68-A-d
Kênh Xáng	TV	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 44' 15"	09° 18' 06"	105° 43' 10"	C-48-68-A-d
rạch Trà Vần	TV	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 18' 51"	105° 43' 05"	09° 19' 21"	105° 43' 42"	C-48-68-A-d
sông Bạc Liêu	TV	Phường 1	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-A-d
Khóm 1	DC	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 17' 02"	105° 43' 21"					C-48-68-A-d
Khóm 2	DC	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 16' 56"	105° 43' 19"					C-48-68-A-d
Khóm 3	DC	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 15' 34"	105° 42' 53"					C-48-68-A-d
Khóm 4	DC	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 16' 41"	105° 43' 22"					C-48-68-A-d
Khóm 5	DC	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 17' 04"	105° 42' 53"					C-48-68-A-d
Khóm 6	DC	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 16' 32"	105° 42' 40"					C-48-68-A-d
cầu Kim Sơn	KX	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 17' 07"	105° 43' 23"					C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Di tích lịch sử Khu lưu niệm Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ-nhạc sĩ Cao Văn Lầu	KX	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 16' 38"	105° 43' 28"					C-48-68-A-d
đường Cao Văn Lầu	KX	Phường 2	TP. Bạc Liêu			09° 17' 06"	105° 43' 23"	09° 13' 52"	105° 44' 01"	C-48-68-A-d
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 2	TP. Bạc Liêu			09° 16' 53"	105° 43' 12"	09° 17' 09"	105° 43' 41"	C-48-68-A-d
miếu Địa Mẫu	KX	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 16' 52"	105° 43' 18"					C-48-68-A-d
miếu Quan Đế	KX	Phường 2	TP. Bạc Liêu	09° 16' 51"	105° 43' 17"					C-48-68-A-d
kênh 30 tháng 4	TV	Phường 2	TP. Bạc Liêu			09° 12' 02"	105° 44' 25"	09° 16' 57"	105° 43' 10"	C-48-68-A-d
kênh Giồng Me	TV	Phường 2	TP. Bạc Liêu			09° 16' 55"	105° 43' 03"	09° 14' 19"	105° 38' 45"	C-48-68-A-d
rạch Cây Mết	TV	Phường 2	TP. Bạc Liêu			09° 17' 12"	105° 42' 50"	09° 16' 28"	105° 41' 32"	C-48-68-A-d
sông Bạc Liêu	TV	Phường 2	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-A-d
Khóm 1	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 05"	105° 43' 14"					C-48-68-A-d
Khóm 2	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 16"	105° 43' 27"					C-48-68-A-d
Khóm 3	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 22"	105° 43' 29"					C-48-68-A-d
Khóm 4	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 21"	105° 43' 17"					C-48-68-A-d
Khóm 5	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 04"	105° 43' 04"					C-48-68-A-d
Khóm 6	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 10"	105° 42' 59"					C-48-68-A-d
Khóm 7	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 14"	105° 42' 52"					C-48-68-A-d
Khóm 8	DC	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 26"	105° 42' 48"					C-48-68-A-d
cầu Kim Sơn	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 07"	105° 43' 23"					C-48-68-A-d
Di tích kiến trúc nghệ thuật Đồng Hồ Thái Dương	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 12"	105° 43' 16"					C-48-68-A-d
Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà cổ Toà tham Biện tỉnh Bạc Liêu năm 1882	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 14"	105° 43' 16"					C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đỉnh Tân Hưng	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 21"	105° 43' 36"					C-48-68-A-d
đường Trần Phú	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu			09° 18' 50"	105° 43' 04"	09° 17' 08"	105° 43' 22"	C-48-68-A-d
đường Võ Thị Sáu	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu			09° 17' 00"	105° 43' 15"	09° 17' 50"	105° 42' 18"	C-48-68-A-d
Nhà công tử Bạc Liêu	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 06"	105° 43' 19"					C-48-68-A-d
Phước Đức Cổ Miếu	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 08"	105° 43' 21"					C-48-68-A-d
Thành Hoàng Cổ Miếu	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 18"	105° 43' 36"					C-48-68-A-d
Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu	KX	Phường 3	TP. Bạc Liêu	09° 17' 12"	105° 43' 03"					C-48-68-A-d
sông Bạc Liêu	TV	Phường 3	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-A-d
Khóm 1	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 04"	105° 43' 28"					C-48-68-A-d
Khóm 2	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 06"	105° 43' 33"					C-48-68-A-d
Khóm 3	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 16' 40"	105° 43' 38"					C-48-68-A-d
Khóm 4	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 16' 15"	105° 44' 21"					C-48-68-A-d
Khóm 5	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 12"	105° 43' 43"					C-48-68-A-d
Khóm 6	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 24"	105° 43' 49"					C-48-68-A-d
Khóm 7	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 15' 57"	105° 44' 31"					C-48-68-A-d
Khóm 8	DC	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 45"	105° 44' 16"					C-48-68-A-d
cầu Cẩn Thăng	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 39"	105° 44' 49"					C-48-68-A-d
cầu Kim Sơn	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 07"	105° 43' 23"					C-48-68-A-d
chùa Long Phước	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 29"	105° 44' 06"					C-48-68-A-d
đỉnh An Trạch	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 08"	105° 43' 35"					C-48-68-A-d
đường Cao Văn Lầu	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 17' 06"	105° 43' 23"	09° 13' 52"	105° 44' 01"	C-48-68-A-d
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 16' 53"	105° 43' 12"	09° 17' 09"	105° 43' 41"	C-48-68-A-d
Đường tỉnh 38	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 19' 02"	105° 48' 58"	09° 17' 31"	105° 44' 29"	C-48-68-A-d
miếu Châu Xương	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu	09° 17' 01"	105° 43' 40"					C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 19' 02"	105° 48' 59"	09° 18' 48"	105° 43' 06"	C-48-68-A-d
kênh Bảy Hoà	TV	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 15' 42"	105° 44' 36"	09° 15' 23"	105° 43' 35"	C-48-68-A-d
kênh Lung Giá	TV	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 15' 30"	105° 43' 59"	09° 16' 02"	105° 43' 35"	C-48-68-A-d
rạch Ông Bồn	TV	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 15' 42"	105° 44' 36"	09° 17' 16"	105° 43' 37"	C-48-68-A-d
sông Bạc Liêu	TV	Phường 5	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-A-d
Khóm 1	DC	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 18' 43"	105° 43' 03"					C-48-68-A-d
Khóm 2	DC	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 18' 13"	105° 43' 03"					C-48-68-A-d
Khóm 3	DC	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 17' 30"	105° 43' 07"					C-48-68-A-d
Khóm 4	DC	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 17' 22"	105° 43' 03"					C-48-68-A-d
Khóm 5	DC	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 17' 41"	105° 43' 14"					C-48-68-A-d
Khóm 6	DC	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 17' 23"	105° 43' 16"					C-48-68-A-d
đường 23 tháng 8	KX	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 18' 50"	105° 43' 04"	09° 17' 55"	105° 40' 55"	C-48-68-A-d
đường Trần Huỳnh	KX	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 17' 32"	105° 42' 44"	09° 18' 10"	105° 43' 58"	C-48-68-A-d
đường Trần Phú	KX	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 18' 50"	105° 43' 04"	09° 17' 08"	105° 43' 22"	C-48-68-A-d
đường Võ Thị Sáu	KX	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 17' 00"	105° 43' 15"	09° 17' 50"	105° 42' 18"	C-48-68-A-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-d
Tiên Sư Cổ Miếu	KX	Phường 7	TP. Bạc Liêu	09° 17' 21"	105° 43' 11"					C-48-68-A-d
Kênh Xáng	TV	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 44' 15"	09° 18' 06"	105° 43' 10"	C-48-68-A-d
rạch Trà Uôl	TV	Phường 7	TP. Bạc Liêu			09° 18' 56"	105° 42' 23"	09° 18' 00"	105° 42' 15"	C-48-68-A-d
Khóm 1	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 18' 01"	105° 42' 26"					C-48-68-A-d
Khóm 2	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 41"	105° 42' 42"					C-48-68-A-d
Khóm 3	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 51"	105° 41' 32"					C-48-68-A-d
Khóm 8	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 27"	105° 42' 34"					C-48-68-A-d
khóm Cầu Sập	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 18' 03"	105° 40' 48"					C-48-68-A-d
khóm Trà Kha	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 56"	105° 42' 04"					C-48-68-A-d
khóm Trà Kha B	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 14"	105° 42' 14"					C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khóm Trà Khứa	DC	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 18' 41"	105° 41' 46"					C-48-68-A-d
cầu Dân Xây	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 53"	105° 40' 52"					C-48-68-A-d
Đài xích đạo Bạc Liêu	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 18' 00"	105° 42' 32"					C-48-68-A-d
đường 23 tháng 8	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 18' 50"	105° 43' 04"	09° 17' 55"	105° 40' 55"	C-48-68-A-d
đường Trần Huỳnh	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 17' 32"	105° 42' 44"	09° 18' 10"	105° 43' 58"	C-48-68-A-d
đường Võ Thị Sáu	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 17' 00"	105° 43' 15"	09° 17' 50"	105° 42' 18"	C-48-68-A-d
miếu Ông Bồn	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 37"	105° 42' 13"					C-48-68-A-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-d
Trường Đại học Bạc Liêu	KX	Phường 8	TP. Bạc Liêu	09° 17' 32"	105° 42' 40"					C-48-68-A-d
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-d
kênh Dù Khơi	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 17' 12"	105° 42' 16"	09° 17' 12"	105° 41' 09"	C-48-68-A-d
kênh Tám Thước	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 18' 08"	105° 40' 39"	09° 18' 33"	105° 42' 08"	C-48-68-A-d
rạch Cây Mết	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 17' 12"	105° 42' 50"	09° 16' 28"	105° 41' 32"	C-48-68-A-d
rạch Dân Xây	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 16' 28"	105° 41' 32"	09° 17' 48"	105° 40' 55"	C-48-68-A-d
rạch Trà Kha	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 16' 57"	105° 42' 21"	09° 17' 46"	105° 42' 14"	C-48-68-A-d
rạch Trà Kha	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 18' 49"	105° 42' 04"	09° 17' 47"	105° 42' 13"	C-48-68-A-d
rạch Trà Khứa	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 18' 56"	105° 42' 23"	09° 18' 10"	105° 40' 44"	C-48-68-A-d
rạch Trà Uôl	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 18' 56"	105° 42' 23"	09° 18' 00"	105° 42' 15"	C-48-68-A-d
sông Bạc Liêu	TV	Phường 8	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-A-d
khóm Bờ Tây	DC	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 12' 32"	105° 44' 08"					C-48-68-C-b
khóm Chôm Xoài	DC	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 14' 14"	105° 43' 51"					C-48-68-C-b
khóm Đầu Lộ	DC	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 15' 15"	105° 43' 41"					C-48-68-A-d
khóm Đầu Lộ A	DC	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 14' 20"	105° 43' 56"					C-48-68-C-b
khóm Kinh Tế	DC	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 15' 04"	105° 43' 08"					C-48-68-A-d
khóm Nhà Mát	DC	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 12' 41"	105° 44' 23"					C-48-68-C-b
cầu Trường Sơn	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 13' 48"	105° 44' 02"					C-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Vườn Chim	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 14' 54"	105° 43' 42"					C-48-68-C-b
đường Bạch Đằng	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 13' 52"	105° 44' 01"	09° 12' 41"	105° 44' 30"	C-48-68-C-b
đường Cao Văn Lầu	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 17' 06"	105° 43' 23"	09° 13' 52"	105° 44' 01"	C-48-68-A-d
Khu bảo tồn Thiên nhiên Vườn chim Bạc Liêu	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 14' 20"	105° 42' 51"					C-48-68-C-b
Miếu Bà	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 12' 47"	105° 44' 27"					C-48-68-C-b
trại tạm giam Bạc Liêu	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 15' 29"	105° 43' 21"					C-48-68-A-d
Trại thực nghiệm thủy sản Bạc Liêu	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 13' 27"	105° 44' 14"					C-48-68-C-b
trường bắn Quân Khu 9	KX	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu	09° 12' 10"	105° 43' 38"					C-48-68-C-b
kênh 30 tháng 4	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 12' 02"	105° 44' 25"	09° 16' 57"	105° 43' 10"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Lung Giá	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 15' 30"	105° 43' 59"	09° 16' 02"	105° 43' 35"	C-48-68-A-d
Kênh Mầu	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 14' 35"	105° 43' 47"	09° 14' 07"	105° 42' 39"	C-48-68-C-b
kênh Số 2	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 11' 59"	105° 44' 03"	09° 13' 08"	105° 43' 52"	C-48-68-C-b
kênh Số 4	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 13' 28"	105° 43' 16"	09° 12' 16"	105° 43' 34"	C-48-68-C-b
kênh Số 7	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 11' 39"	105° 43' 04"	09° 15' 42"	105° 41' 46"	C-48-68-C-b
kênh Trường Sơn	TV	P. Nhà Mát	TP. Bạc Liêu			09° 13' 12"	105° 42' 34"	09° 15' 44"	105° 49' 15"	C-48-68-C-b
ấp Giồng Giữa	DC	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu	09° 14' 52"	105° 44' 59"					C-48-68-C-b
ấp Giồng Nhãn	DC	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu	09° 14' 30"	105° 45' 33"					C-48-68-D-a
ấp Giồng Nhãn A	DC	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu	09° 13' 57"	105° 44' 20"					C-48-68-C-b
ấp Xóm Lắm	DC	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu	09° 15' 36"	105° 44' 37"					C-48-68-A-d
Công ty Duyên Hải	KX	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu	09° 13' 35"	105° 45' 21"					C-48-68-D-a
kênh Bảy Hoà	TV	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu			09° 15' 42"	105° 44' 36"	09° 15' 23"	105° 43' 35"	C-48-68-A-d
kênh Giồng Giữa	TV	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu			09° 15' 42"	105° 44' 36"	09° 14' 28"	105° 45' 29"	C-48-68-A-d,
kênh Lung Giá	TV	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu			09° 15' 30"	105° 43' 59"	09° 16' 02"	105° 43' 35"	C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Trường Sơn	TV	xã Hiệp Thành	TP. Bạc Liêu			09° 13' 12"	105° 42' 34"	09° 15' 44"	105° 49' 15"	C-48-68-A-d, C-48-68-D-a, C-48-68-B-c
ấp An Trạch Đông	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 18' 04"	105° 48' 41"					C-48-68-B-c
ấp Bờ Xáng	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 19' 55"	105° 47' 47"					C-48-68-B-c
ấp Công Điền	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 18' 29"	105° 46' 17"					C-48-68-B-c
ấp Giáp Nước	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 16' 32"	105° 46' 11"					C-48-68-B-c
ấp Kim Cầu	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 17' 19"	105° 46' 48"					C-48-68-B-c
ấp Rạch Thẳng	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 18' 03"	105° 44' 45"					C-48-68-B-c
ấp Thảo Lạng	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 19' 06"	105° 47' 36"					C-48-68-B-c
ấp Vĩnh An	DC	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 18' 01"	105° 45' 07"					C-48-68-B-c
cầu Cản Thẳng	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 17' 39"	105° 44' 49"					C-48-68-A-d
cầu Thảo Lạng	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 18' 54"	105° 48' 28"					C-48-68-B-c
cầu Thuận Hoà	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 18' 16"	105° 46' 27"					C-48-68-B-c
cầu Vĩnh Trạch	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 17' 50"	105° 45' 14"					C-48-68-B-c
chùa Hưng Hiệp Tự	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 20' 05"	105° 48' 04"					C-48-68-B-c
quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu			09° 19' 02"	105° 48' 59"	09° 18' 48"	105° 43' 06"	C-48-68-B-c
Thiên Hậu Cỏ Miếu	KX	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu	09° 17' 52"	105° 45' 13"					C-48-68-B-c
kênh Cầu Mới	TV	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu			09° 19' 01"	105° 46' 03"	09° 15' 20"	105° 47' 42"	C-48-68-B-c
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu			09° 19' 14"	105° 47' 06"	09° 20' 05"	105° 48' 44"	C-48-68-B-c
kênh Thảo Lạng	TV	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu			09° 19' 16"	105° 46' 31"	09° 19' 08"	105° 48' 46"	C-48-68-B-c
kênh Thuận Hoà-Xiêm Cán	TV	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu			09° 17' 22"	105° 47' 09"	09° 15' 21"	105° 47' 48"	C-48-68-B-c
sông Bạc Liêu	TV	xã Vĩnh Trạch	TP. Bạc Liêu			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c, C-48-68-A-d
ấp Biển Đông A	DC	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 47"	105° 49' 05"					C-48-68-B-c
ấp Biển Đông B	DC	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 13"	105° 47' 53"					C-48-68-B-c
ấp Biển Tây A	DC	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 02"	105° 47' 05"					C-48-68-B-c
ấp Biển Tây B	DC	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 14' 46"	105° 46' 21"					C-48-68-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Giồng Giữa A	DC	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 52"	105° 47' 25"					C-48-68-B-c
ấp Giồng Giữa B	DC	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 28"	105° 46' 11"					C-48-68-D-a
chùa Komphir Sa Kor Prêk Chru (chùa Xiêm Cán)	KX	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 17"	105° 47' 46"					C-48-68-B-c
Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà cổ của gia đình ông Khuru Hải Chiểu	KX	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 15' 11"	105° 47' 26"					C-48-68-B-c
Nhà máy Điện gió Bạc Liêu	KX	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu	09° 14' 07"	105° 48' 20"					C-48-68-D-a
kênh Cầu Mới	TV	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu			09° 19' 01"	105° 46' 03"	09° 15' 20"	105° 47' 42"	C-48-68-B-c
kênh Thuận Hoà-Xiêm Cán	TV	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu			09° 17' 22"	105° 47' 09"	09° 15' 21"	105° 47' 48"	C-48-68-B-c
kênh Trường Sơn	TV	xã Vĩnh Trạch Đông	TP. Bạc Liêu			09° 13' 12"	105° 42' 34"	09° 15' 44"	105° 49' 15"	C-48-68-B-c, C-48-68-D-a
Khóm 1	DC	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 13"	105° 26' 45"					C-48-67-D-b
Khóm 2	DC	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 37"	105° 27' 14"					C-48-67-D-b
Khóm 3	DC	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 17"	105° 27' 42"					C-48-67-D-b
Khóm 4	DC	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 01"	105° 27' 15"					C-48-67-D-b
Khóm 5	DC	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 02"	105° 27' 09"					C-48-67-D-b
Cầu Đình	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 08"	105° 27' 24"					C-48-67-D-b
cầu Giá Rai	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 16"	105° 27' 27"					C-48-67-D-b
cầu Nọc Nặng	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 10"	105° 26' 37"					C-48-67-D-b
cầu Rạch Rắn	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 13' 16"	105° 27' 43"					C-48-67-D-b
Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 38"	105° 28' 39"					C-48-67-D-b
Chùa Mới	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 13' 58"	105° 27' 32"					C-48-67-D-b
đình thần Phong Thạnh	KX	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 05"	105° 27' 23"					C-48-67-D-b
đường tỉnh Giá Rai-Gành Hào (Đ.T.980)	KX	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 14' 23"	105° 27' 25"	09° 07' 59"	105° 29' 20"	C-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-67-D-b
cổng Giá Rai	TV	Phường 1	TX. Giá Rai	09° 14' 41"	105° 27' 09"					C-48-67-D-b
kênh Ba Lác	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 14' 38"	105° 27' 12"	09° 17' 04"	105° 27' 59"	C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh Cầu Bảy	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 13' 06"	105° 29' 13"	09° 13' 15"	105° 27' 44"	C-48-67-D-b
kênh Cầu Đen	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 14' 10"	105° 27' 06"	09° 13' 22"	105° 27' 20"	C-48-67-D-b
kênh Cống Lầu	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 14' 37"	105° 28' 41"	09° 17' 19"	105° 28' 36"	C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh Lộ Cũ	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 13' 47"	105° 25' 40"	09° 13' 15"	105° 27' 44"	C-48-67-D-b
kênh Nọc Nặng	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 14' 05"	105° 26' 44"	09° 15' 39"	105° 25' 29"	C-48-67-D-b
kênh Quản Lộ-Giá Rai	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 14' 17"	105° 27' 21"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-b
rạch Bà Già	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 12' 52"	105° 29' 09"	09° 14' 39"	105° 29' 04"	C-48-67-D-b
rạch Cầu Đình	TV	Phường 1	TX. Giá Rai			09° 13' 22"	105° 27' 20"	09° 14' 04"	105° 27' 12"	C-48-67-D-b
Khóm 1	DC	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 53"	105° 25' 03"					C-48-67-D-b
Khóm 2	DC	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 42"	105° 24' 46"					C-48-67-D-b
Khóm 3	DC	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 32"	105° 24' 51"					C-48-67-D-b
Khóm 4	DC	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 37"	105° 25' 10"					C-48-67-D-b
Khóm 5	DC	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 14' 02"	105° 25' 54"					C-48-67-D-b
cầu Nọc Nặng	KX	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 14' 10"	105° 26' 37"					C-48-67-D-b
Chùa Cũ	KX	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 38"	105° 25' 17"					C-48-67-D-b
chùa Long Đức Tự	KX	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 39"	105° 24' 44"					C-48-67-D-b
Chùa Mới	KX	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 54"	105° 25' 22"					C-48-67-D-b
nhà thờ Ninh Sơn	KX	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 53"	105° 25' 41"					C-48-67-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-67-D-b
cổng Chủ Chí	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai	09° 13' 58"	105° 24' 32"					C-48-67-D-b
kênh Hộ Phòng-Chủ Chí	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 13' 40"	105° 25' 00"	09° 18' 15"	105° 19' 02"	C-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Lộ Cũ	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 13' 47"	105° 25' 40"	09° 13' 15"	105° 27' 44"	C-48-67-D-b
kênh Nọc Nặng	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 14' 05"	105° 26' 44"	09° 15' 39"	105° 25' 29"	C-48-67-D-b
kênh Thổ Lác	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 13' 37"	105° 25' 03"	09° 12' 29"	105° 26' 48"	C-48-67-D-b
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-b
kênh xáng Hộ Phòng-Gành Hào	TV	P. Hộ Phòng	TX. Giá Rai			09° 04' 08"	105° 23' 29"	09° 13' 36"	105° 24' 58"	C-48-67-D-b
Khóm 1	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 15' 52"	105° 32' 02"					C-48-68-A-c
Khóm 2	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 15' 59"	105° 31' 06"					C-48-68-A-c
Khóm 3	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 14' 43"	105° 28' 43"					C-48-67-D-b
Khóm 7	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 17' 05"	105° 30' 23"					C-48-68-A-c
Khóm 8	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 17' 03"	105° 31' 49"					C-48-68-A-c
Khóm 12	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 16' 58"	105° 29' 54"					C-48-68-A-c
Khóm 13	DC	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 17' 20"	105° 29' 06"					C-48-67-B-d
cầu Láng Tròn	KX	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 15' 08"	105° 30' 35"					C-48-68-A-c
cầu Xóm Lung	KX	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 15' 40"	105° 32' 48"					C-48-68-A-c
chùa Hiệp Lợi Dân An	KX	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 14' 42"	105° 29' 02"					C-48-67-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-67-D-b, C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
cổng Xóm Lung	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai	09° 15' 55"	105° 32' 28"					C-48-68-A-c
kênh ấp 14 Ô Rô	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 16' 47"	105° 27' 31"	09° 17' 33"	105° 28' 52"	C-48-67-B-d
kênh Ba Nhạc	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 16' 11"	105° 30' 23"	09° 16' 43"	105° 30' 22"	C-48-68-A-c
kênh Ba Thước	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 15' 24"	105° 31' 48"	09° 16' 45"	105° 31' 17"	C-48-68-A-c
kênh Cống Lầu	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 14' 37"	105° 28' 41"	09° 17' 19"	105° 28' 36"	C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh Đốc Béc	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 17' 03"	105° 31' 43"	09° 13' 58"	105° 32' 54"	C-48-68-A-c
kênh Hai Chen	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 17' 37"	105° 30' 13"	09° 18' 44"	105° 27' 52"	C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Hào Giảng	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 14' 57"	105° 30' 02"	09° 15' 27"	105° 28' 42"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Khóm 12	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 16' 11"	105° 30' 22"	09° 17' 46"	105° 29' 36"	C-48-68-A-c, C-48-67-B-d
kênh Khóm 13	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 15' 29"	105° 30' 23"	09° 17' 02"	105° 28' 46"	C-48-67-B-d
kênh Tư Hỷ	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 15' 20"	105° 31' 32"	09° 16' 23"	105° 30' 36"	C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Phong	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 24' 28"	105° 25' 37"	09° 15' 39"	105° 32' 48"	C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Phong 16	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 17' 22"	105° 30' 14"	09° 16' 12"	105° 27' 09"	C-48-68-A-c, C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 18	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 16' 16"	105° 30' 06"	09° 15' 23"	105° 27' 50"	C-48-68-A-c, C-48-67-B-d
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-b, C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Xóm Lung	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 15' 52"	105° 32' 33"	09° 17' 05"	105° 32' 36"	C-48-68-A-c
lưng Bàu Tượng	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 17' 05"	105° 32' 36"	09° 17' 25"	105° 30' 31"	C-48-68-A-c
rạch Đồng Lớn	TV	P. Láng Tròn	TX. Giá Rai			09° 18' 02"	105° 31' 07"	09° 17' 37"	105° 30' 14"	C-48-68-A-c
Ấp 5	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 15' 56"	105° 27' 58"					C-48-67-B-d
Ấp 14	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 18' 04"	105° 28' 28"					C-48-67-B-d
Ấp 15	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 19' 31"	105° 27' 51"					C-48-67-B-d
ấp 16A	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 17' 58"	105° 27' 24"					C-48-67-B-d
ấp 16B	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 19' 00"	105° 27' 14"					C-48-67-B-d
Ấp 17	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 17' 15"	105° 27' 12"					C-48-67-B-d
Ấp 18	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 15' 29"	105° 26' 50"					C-48-67-B-d
Ấp 19	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 18' 43"	105° 25' 16"					C-48-67-B-d
Ấp 20	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 18' 52"	105° 25' 13"					C-48-67-B-d
Ấp 21	DC	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 20' 51"	105° 25' 45"					C-48-67-B-d
kênh 16B	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 57"	105° 27' 12"	09° 18' 31"	105° 27' 13"	C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh áp 14 Lầm Đồi	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 17' 33"	105° 28' 52"	09° 18' 44"	105° 27' 52"	C-48-67-B-d
kênh áp 14 Ô Rô	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 16' 47"	105° 27' 31"	09° 17' 33"	105° 28' 52"	C-48-67-B-d
kênh Áp 17	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 17' 02"	105° 27' 27"	09° 16' 44"	105° 26' 20"	C-48-67-B-d
kênh Ba Lác	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 14' 38"	105° 27' 12"	09° 17' 04"	105° 27' 59"	C-48-67-B-d
kênh Ba Thôn	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 18' 57"	105° 27' 11"	09° 19' 37"	105° 26' 28"	C-48-67-B-d
kênh Cây Dương	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 16' 33"	105° 26' 16"	09° 18' 41"	105° 25' 51"	C-48-67-B-d
kênh Cống Lầu	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 14' 37"	105° 28' 41"	09° 17' 19"	105° 28' 36"	C-48-67-B-d
kênh Lầm Nếp	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 01"	105° 25' 07"	09° 20' 32"	105° 25' 25"	C-48-67-B-d
kênh Lung Lớn	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 15' 50"	105° 26' 37"	09° 18' 31"	105° 27' 13"	C-48-67-B-d
kênh Lung Mướp	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 20' 27"	105° 26' 19"	09° 17' 02"	105° 27' 14"	C-48-67-B-d
kênh Quán Lộ-Giá Rai	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 14' 17"	105° 27' 21"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-d
kênh Ranh Dân Quân	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 20' 43"	105° 26' 48"	09° 19' 47"	105° 30' 50"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c
kênh Ranh Hạt	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 21' 13"	105° 24' 01"	09° 20' 43"	105° 26' 48"	C-48-67-B-d
kênh Sáu Sên	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 03"	105° 26' 59"	09° 19' 51"	105° 27' 00"	C-48-67-B-d
kênh Thầy Út	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 30"	105° 28' 15"	09° 20' 36"	105° 27' 41"	C-48-67-B-d
kênh Út Chiến	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 57"	105° 27' 12"	09° 20' 34"	105° 27' 18"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 6	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 36"	105° 24' 48"	09° 21' 16"	105° 27' 45"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 8	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 00"	105° 25' 07"	09° 20' 26"	105° 28' 19"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 10	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 18' 29"	105° 25' 20"	09° 18' 53"	105° 26' 26"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 12	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 17' 56"	105° 25' 37"	09° 19' 13"	105° 29' 08"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 14	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 16' 57"	105° 26' 05"	09° 18' 16"	105° 29' 46"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 16	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 17' 22"	105° 30' 14"	09° 16' 12"	105° 27' 09"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 18	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 16' 16"	105° 30' 06"	09° 15' 23"	105° 27' 50"	C-48-67-B-d
kênh Xóm Địa	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 19' 26"	105° 28' 20"	09° 18' 55"	105° 28' 19"	C-48-67-B-d
lưng Cây Gừa	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 17' 56"	105° 27' 47"	09° 17' 57"	105° 28' 36"	C-48-67-B-d
Lưng Giữa	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai			09° 20' 27"	105° 25' 24"	09° 20' 30"	105° 26' 52"	C-48-67-B-d
ngã tư Láng Sáu Phèn	TV	xã Phong Tân	TX. Giá Rai	09° 20' 36"	105° 27' 41"					C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Áp 19	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 18' 17"	105° 25' 24"					C-48-67-B-d
ấp 19A	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 19' 15"	105° 23' 31"					C-48-67-B-d
Áp 20	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 19' 14"	105° 24' 55"					C-48-67-B-d
Áp 21	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 20' 45"	105° 24' 09"					C-48-67-B-d
Áp 23	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 17' 19"	105° 22' 31"					C-48-67-B-d
Áp 24	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 16' 52"	105° 22' 26"					C-48-67-B-c
Áp 25	DC	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai	09° 17' 16"	105° 21' 13"					C-48-67-B-c
kênh áp 19	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 17' 55"	105° 25' 35"	09° 17' 43"	105° 24' 08"	C-48-67-B-d
kênh áp 23	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 17' 43"	105° 22' 02"	09° 16' 57"	105° 23' 20"	C-48-67-B-d
Kênh Cùng	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 19' 00"	105° 25' 04"	09° 18' 42"	105° 24' 24"	C-48-67-B-d
kênh Chủ Chí 4	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 17' 27"	105° 25' 48"	09° 16' 06"	105° 21' 48"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Chủ Chí 5	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 18' 49"	105° 25' 09"	09° 16' 25"	105° 21' 24"	C-48-67-B-d, C-48-67-B-c
kênh Chủ Chí 6	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 16' 43"	105° 21' 01"	09° 20' 45"	105° 24' 13"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
Kênh Giữa	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 16' 57"	105° 21' 10"	09° 17' 43"	105° 20' 39"	C-48-67-B-c
kênh Hai Đắc	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 18' 42"	105° 21' 46"	09° 17' 43"	105° 24' 08"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Hộ Phòng-Chủ Chí	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 40"	105° 25' 00"	09° 18' 15"	105° 19' 02"	C-48-67-B-c
kênh Lầu Quốc Gia	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 20' 17"	105° 21' 13"	09° 19' 19"	105° 22' 23"	C-48-67-B-c
kênh Phó Sinh-Chủ Chí 7	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 17' 25"	105° 20' 09"	09° 20' 58"	105° 24' 06"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Quản Lộ-Giá Rai	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 14' 17"	105° 27' 21"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-d
kênh Tám Hoà	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 19' 41"	105° 24' 44"	09° 19' 04"	105° 23' 30"	C-48-67-B-d
kênh Tư Lắm	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 18' 03"	105° 23' 44"	09° 19' 19"	105° 22' 23"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Xóm 3	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 16' 45"	105° 20' 59"	09° 18' 07"	105° 21' 48"	C-48-67-B-c
kênh Xóm Lung	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 16' 57"	105° 24' 27"	09° 17' 43"	105° 24' 08"	C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Lung Keo	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 17' 08"	105° 22' 52"	09° 17' 03"	105° 22' 19"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
rạch Ký Hoà	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 18' 12"	105° 21' 16"	09° 17' 45"	105° 22' 02"	C-48-67-B-c
rạch Xóm Huế	TV	xã Phong Thạnh	TX. Giá Rai			09° 15' 32"	105° 23' 43"	09° 17' 25"	105° 22' 06"	C-48-67-B-c
Ấp 3	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 14' 39"	105° 23' 42"					C-48-67-D-b
Ấp 4	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 14' 55"	105° 25' 52"					C-48-67-D-b
Ấp 18	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 16' 20"	105° 26' 18"					C-48-67-B-d
Ấp 22	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 17' 00"	105° 24' 23"					C-48-67-B-d
Ấp 24	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 15' 58"	105° 23' 07"					C-48-67-B-d
Ấp 25	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 15' 58"	105° 22' 05"					C-48-67-B-c
ấp 4A	DC	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 15' 18"	105° 24' 39"					C-48-67-B-d
chùa Minh Xuân Quang	KX	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 16' 29"	105° 26' 15"					C-48-67-B-d
Di tích lịch sử văn hoá Nọc Nặng	KX	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai	09° 14' 31"	105° 26' 13"					C-48-67-D-b
kênh ấp 22	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 16' 42"	105° 24' 07"	09° 16' 57"	105° 23' 20"	C-48-67-B-d
kênh Cây Da	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 16' 12"	105° 24' 19"	09° 15' 14"	105° 24' 04"	C-48-67-B-d
kênh Chủ Chí 2	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 14' 46"	105° 23' 31"	09° 16' 06"	105° 26' 28"	C-48-67-B-d
kênh Chủ Chí 3	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 15' 20"	105° 22' 47"	09° 16' 49"	105° 26' 07"	C-48-67-B-d
kênh Chủ Chí 4	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 17' 27"	105° 25' 48"	09° 16' 06"	105° 21' 48"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Hộ Phòng-Chủ Chí	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 13' 40"	105° 25' 00"	09° 18' 15"	105° 19' 02"	C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh Nọc Nặng	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 14' 05"	105° 26' 44"	09° 15' 39"	105° 25' 29"	C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh Quán Lộ-Giá Rai	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 14' 17"	105° 27' 21"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-d
kênh Trường Út	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 16' 57"	105° 24' 27"	09° 14' 21"	105° 24' 25"	C-48-67-B-d
kênh Xóm Đồn	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 15' 39"	105° 25' 29"	09° 16' 57"	105° 24' 27"	C-48-67-B-d
kênh Xóm Lung	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 16' 57"	105° 24' 27"	09° 17' 43"	105° 24' 08"	C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Xóm Huế	TV	xã Phong Thạnh A	TX. Giá Rai			09° 15' 32"	105° 23' 43"	09° 17' 25"	105° 22' 06"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
Áp 9	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 18' 51"	105° 30' 06"					C-48-68-A-c
Áp 10	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 19' 18"	105° 30' 12"					C-48-68-A-c
Áp 11	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 19' 11"	105° 29' 13"					C-48-67-B-d
Áp 12	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 18' 21"	105° 29' 28"					C-48-67-B-d
Áp 13	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 18' 21"	105° 29' 05"					C-48-67-B-d
Áp 14	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 17' 58"	105° 29' 27"					C-48-67-B-d
Áp 15	DC	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 20' 02"	105° 28' 03"					C-48-67-B-d
kênh Áp 11	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 00"	105° 29' 08"	09° 20' 18"	105° 29' 07"	C-48-67-B-d
kênh Áp 12	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 18' 48"	105° 29' 16"	09° 17' 47"	105° 29' 35"	C-48-67-B-d
kênh áp 14 Lầm Đồi	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 17' 33"	105° 28' 52"	09° 18' 44"	105° 27' 52"	C-48-67-B-d
kênh Bàu Xàng	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 09"	105° 33' 02"	09° 19' 08"	105° 30' 18"	C-48-68-A-c
Kênh Đồn	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 18' 24"	105° 29' 21"	09° 18' 09"	105° 28' 28"	C-48-67-B-d
kênh Hai Chen	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 17' 37"	105° 30' 13"	09° 18' 44"	105° 27' 52"	C-48-67-B-d
kênh Mười Bầu	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 08"	105° 30' 18"	09° 20' 46"	105° 30' 28"	C-48-68-A-c
kênh Quảng Chuối	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 18' 03"	105° 30' 52"	09° 18' 42"	105° 30' 40"	C-48-68-A-c
kênh Ranh Dân Quân	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 20' 43"	105° 26' 48"	09° 19' 47"	105° 30' 50"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Tám Tài	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 03"	105° 28' 40"	09° 20' 29"	105° 28' 34"	C-48-67-B-d
kênh Thăng Ngẫu	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 18' 56"	105° 29' 33"	09° 20' 13"	105° 29' 21"	C-48-67-B-d
kênh Thầy Út	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 30"	105° 28' 15"	09° 20' 36"	105° 27' 41"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 24' 28"	105° 25' 37"	09° 15' 39"	105° 32' 48"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Phong 8	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 00"	105° 25' 07"	09° 20' 26"	105° 28' 19"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 11	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 36"	105° 28' 53"	09° 21' 32"	105° 30' 58"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 12	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 17' 56"	105° 25' 37"	09° 19' 13"	105° 29' 08"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 13	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 21' 01"	105° 31' 34"	09° 19' 06"	105° 29' 33"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 14	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 16' 57"	105° 26' 05"	09° 18' 16"	105° 29' 46"	C-48-67-B-d
kênh Xóm Còng	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 18' 48"	105° 29' 17"	09° 19' 08"	105° 30' 18"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c
kênh Xóm Địa	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 19' 26"	105° 28' 20"	09° 18' 55"	105° 28' 19"	C-48-67-B-d
ngã tư Láng Sáu Phên	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai	09° 20' 36"	105° 27' 41"					C-48-67-B-d
rạch Đồng Lớn	TV	xã Phong Thạnh Đông	TX. Giá Rai			09° 18' 02"	105° 31' 07"	09° 17' 37"	105° 30' 14"	C-48-68-A-c
Ấp 1	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 16' 59"	105° 20' 34"					C-48-67-B-c
Ấp 2	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 17' 22"	105° 20' 05"					C-48-67-B-c
Ấp 3	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 17' 58"	105° 18' 48"					C-48-67-B-c
Ấp 4	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 16' 25"	105° 17' 09"					C-48-67-B-c
Ấp 5	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 15' 25"	105° 18' 35"					C-48-67-B-c
Ấp 6	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 15' 24"	105° 15' 45"					C-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Áp 7	DC	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 14' 30"	105° 17' 42"					C-48-67-D-a
Dị tích lịch sử Trại Giồng Bóm	KX	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 14' 28"	105° 17' 42"					C-48-67-D-a
quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
thất Giồng Bóm	KX	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 14' 44"	105° 17' 36"					C-48-67-D-a
kênh Cống Đá Chiềc	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 48"	105° 18' 41"	09° 14' 51"	105° 19' 39"	C-48-67-B-c
kênh Cống Đá Đôi	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 59"	105° 17' 45"	09° 14' 28"	105° 19' 09"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Công Điền Dưới	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 14' 28"	105° 19' 09"	09° 14' 05"	105° 18' 02"	C-48-67-D-a
kênh Công Điền Trên	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 12' 56"	105° 18' 43"	09° 14' 28"	105° 19' 09"	C-48-67-D-a
kênh Chủ Chí 4	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 17' 49"	105° 19' 33"	09° 16' 44"	105° 18' 41"	C-48-67-B-c
kênh Chủ Chí 6	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 25"	105° 18' 17"	09° 14' 44"	105° 17' 33"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Chủ Chí 8	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 14"	105° 20' 01"	09° 13' 44"	105° 18' 18"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Giồng Bóm	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 17' 20"	105° 20' 11"	09° 15' 25"	105° 18' 17"	C-48-67-B-c
kênh Hộ Phòng-Chủ Chí	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 13' 40"	105° 25' 00"	09° 18' 15"	105° 19' 02"	C-48-67-B-c
kênh Khạo Điều	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 17' 18"	105° 20' 11"	09° 15' 22"	105° 20' 30"	C-48-67-B-c
kênh Khạo Xén	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 13' 25"	105° 16' 24"	09° 14' 36"	105° 16' 27"	C-48-67-D-a
kênh Khúc Tréo	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 58"	105° 16' 38"	09° 11' 50"	105° 19' 44"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 3	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 14' 42"	105° 17' 29"	09° 12' 30"	105° 14' 15"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 4	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 14' 39"	105° 15' 53"	09° 15' 31"	105° 16' 50"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Nền Mộ-Điền Hàn	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 13' 33"	105° 17' 30"	09° 14' 30"	105° 17' 11"	C-48-67-D-a
kênh Ông Tà	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 16' 58"	105° 17' 42"	09° 16' 34"	105° 18' 04"	C-48-67-B-c
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-D-a, C-48-67-B-c
Kênh Tư	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 16' 39"	105° 18' 36"	09° 15' 32"	105° 19' 45"	C-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ngã tư Chủ Chí	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai	09° 18' 15"	105° 19' 02"					C-48-67-B-c
rạch Bà Thông	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 13' 24"	105° 17' 16"	09° 13' 25"	105° 16' 24"	C-48-67-D-a
rạch Cầu Đen	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 18"	105° 21' 43"	09° 15' 35"	105° 22' 27"	C-48-67-B-c
rạch Giồng Bóm	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 14' 37"	105° 17' 09"	09° 14' 37"	105° 15' 13"	C-48-67-D-a
rạch Lung Kiến	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 13' 24"	105° 16' 57"	09° 14' 33"	105° 16' 44"	C-48-67-D-a
rạch Vườn Chanh	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 15' 14"	105° 20' 01"	09° 15' 18"	105° 21' 43"	C-48-67-B-c
Sông Cù	TV	xã Phong Thạnh Tây	TX. Giá Rai			09° 16' 44"	105° 18' 41"	09° 15' 58"	105° 16' 38"	C-48-67-B-c
Ấp 1	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 02"	105° 21' 40"					C-48-67-D-a
Ấp 10	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 12' 34"	105° 17' 18"					C-48-67-D-a
ấp 10A	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 14' 00"	105° 19' 13"					C-48-67-D-a
ấp 10B	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 12' 38"	105° 18' 34"					C-48-67-D-a
Ấp 2	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 26"	105° 24' 00"					C-48-67-D-b
ấp 3A	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 14' 27"	105° 23' 46"					C-48-67-D-b
ấp 3B	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 38"	105° 22' 41"					C-48-67-D-b
ấp Khúc Tréo A	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 11' 55"	105° 19' 52"					C-48-67-D-a
ấp Khúc Tréo B	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 58"	105° 20' 56"					C-48-67-D-a
ấp Nhân Dân A	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 11' 01"	105° 17' 26"					C-48-67-D-a
ấp Nhân Dân B	DC	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 11' 13"	105° 17' 53"					C-48-67-D-a
cầu Cây Gừa	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 12' 45"	105° 22' 00"					C-48-67-D-a
cầu Láng Trâm	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 10' 56"	105° 17' 20"					C-48-67-D-a
cầu Nhân Dân	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 11' 17"	105° 18' 09"					C-48-67-D-a
cầu Sư Sơn	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 02"	105° 22' 45"					C-48-67-D-b
chùa Từ Quang	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 00"	105° 22' 36"					C-48-67-D-b
nhà thờ Tắc Sậy	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 21"	105° 23' 46"					C-48-67-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-67-D-a
trại giam Cây Gừa	KX	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 13' 16"	105° 20' 47"					C-48-67-D-a
cổng Láng Trâm	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai	09° 11' 13"	105° 17' 13"					C-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Cây Gừa	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 15' 00"	105° 20' 41"	09° 13' 18"	105° 21' 05"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Cống Đào	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 15"	105° 20' 44"	09° 13' 43"	105° 20' 21"	C-48-67-D-a
kênh Công Điền Dưới	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 28"	105° 19' 09"	09° 14' 05"	105° 18' 02"	C-48-67-D-a
kênh Công Điền Trên	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 56"	105° 18' 43"	09° 14' 28"	105° 19' 09"	C-48-67-D-a
kênh Chủ Chí 8	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 15' 14"	105° 20' 01"	09° 13' 44"	105° 18' 18"	C-48-67-D-a, C-48-67-C-b
kênh Chủ Chí 10	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 15' 21"	105° 22' 00"	09° 12' 52"	105° 18' 58"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
kênh Chủ Chí 12	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 48"	105° 23' 25"	09° 12' 13"	105° 19' 32"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Han Mai	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 20"	105° 19' 13"	09° 14' 07"	105° 19' 40"	C-48-67-D-a
kênh Hộ Phòng-Chủ Chí	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 13' 40"	105° 25' 00"	09° 18' 15"	105° 19' 02"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d, C-48-67-D-b
kênh Khúc Tréo	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 15' 58"	105° 16' 38"	09° 11' 50"	105° 19' 44"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 10' 55"	105° 17' 20"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 1	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 55"	105° 18' 42"	09° 10' 58"	105° 15' 29"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 2	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 13' 19"	105° 17' 08"	09° 12' 14"	105° 15' 34"	C-48-67-D-a
kênh Lầu Bàng	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 06"	105° 20' 21"	09° 13' 31"	105° 19' 45"	C-48-67-D-a
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
Lung Kiển	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 13' 24"	105° 17' 16"	09° 12' 14"	105° 17' 37"	C-48-67-D-a
Lung Ngang	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 55"	105° 16' 36"	09° 12' 14"	105° 16' 36"	C-48-67-D-a
rạch Bà Thông	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 13' 24"	105° 17' 16"	09° 13' 25"	105° 16' 24"	C-48-67-D-a
rạch Cầu Đen	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 15' 18"	105° 21' 43"	09° 15' 35"	105° 22' 27"	C-48-67-B-c
rạch Cây Gừa	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 07"	105° 19' 40"	09° 12' 44"	105° 22' 01"	C-48-67-D-a
rạch Cống Cà Hía	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 14"	105° 17' 37"	09° 11' 20"	105° 17' 07"	C-48-67-D-a
rạch Gò Giữa	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 12' 44"	105° 19' 05"	09° 11' 43"	105° 18' 29"	C-48-67-D-a
rạch Hành Gòn	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 22"	105° 22' 19"	09° 15' 22"	105° 22' 02"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Láng Trâm 2	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 05"	105° 18' 02"	09° 13' 24"	105° 17' 16"	C-48-67-D-a
rạch Nhân Dân	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 01"	105° 18' 43"	09° 11' 16"	105° 18' 09"	C-48-67-D-a
rạch Phó Đa	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 23"	105° 23' 54"	09° 13' 18"	105° 23' 41"	C-48-67-D-b
rạch Sư Sơn	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 14' 22"	105° 22' 19"	09° 13' 02"	105° 22' 46"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
rạch Vườn Chanh	TV	xã Tân Phong	TX. Giá Rai			09° 15' 14"	105° 20' 01"	09° 15' 18"	105° 21' 43"	C-48-67-B-c
rạch Vườn Chanh	DC	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 13' 28"	105° 14' 23"					C-48-67-C-b
Ấp 9	DC	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 12' 21"	105° 15' 19"					C-48-67-D-a
ấp Gò Muồng	DC	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 13' 08"	105° 16' 40"					C-48-67-D-a
ấp Kinh Lớn	DC	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 13' 36"	105° 15' 55"					C-48-67-D-a
ấp Xóm Mới	DC	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 12' 09"	105° 15' 36"					C-48-67-D-a
cầu Láng Trâm	KX	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 10' 56"	105° 17' 20"					C-48-67-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-67-D-a
quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-C-b, C-48-67-D-a
cổng Láng Trâm	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai	09° 11' 13"	105° 17' 13"					C-48-67-D-a
kênh Gò Muồng	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 11' 44"	105° 15' 42"	09° 11' 04"	105° 17' 08"	C-48-67-D-a
kênh Khạo Xén	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 25"	105° 16' 24"	09° 14' 36"	105° 16' 27"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 10' 55"	105° 17' 20"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 1	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 12' 55"	105° 18' 42"	09° 10' 58"	105° 15' 29"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 2	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 19"	105° 17' 08"	09° 12' 14"	105° 15' 34"	C-48-67-D-a
kênh Láng Trâm 3	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 14' 42"	105° 17' 29"	09° 12' 30"	105° 14' 15"	C-48-67-C-b, C-48-67-D-a
kênh Long Thành	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 33"	105° 14' 25"	09° 10' 46"	105° 15' 35"	C-48-67-C-b, C-48-67-D-a
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-C-b, C-48-67-D-a
kênh Vạn Linh	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 35"	105° 14' 17"	09° 11' 44"	105° 15' 42"	C-48-67-C-b, C-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Xã Nam	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 14' 41"	105° 15' 42"	09° 13' 21"	105° 15' 30"	C-48-67-D-a
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-a
kênh Xẻo Mác	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 31"	105° 14' 11"	09° 12' 46"	105° 14' 00"	C-48-67-C-b
Lung Ngang	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 12' 55"	105° 16' 36"	09° 12' 14"	105° 16' 36"	C-48-67-D-a
rạch Bà Thông	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 13' 24"	105° 17' 16"	09° 13' 25"	105° 16' 24"	C-48-67-D-a
rạch Giồng Bóm	TV	xã Tân Thạnh	TX. Giá Rai			09° 14' 37"	105° 17' 09"	09° 14' 37"	105° 15' 13"	C-48-67-D-a
Áp 1	DC	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 01' 28"	105° 25' 15"					C-48-67-D-d
Áp 2	DC	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 01' 38"	105° 25' 17"					C-48-67-D-d
Áp 3	DC	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 01' 46"	105° 25' 17"					C-48-67-D-d
Áp 4	DC	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 02' 26"	105° 25' 02"					C-48-67-D-d
Áp 5	DC	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 02' 53"	105° 26' 22"					C-48-67-D-d
đường 19 tháng 5	KX	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 02' 14"	105° 25' 54"	09° 02' 00"	105° 25' 07"	C-48-67-D-d
lăng Ông Nam Hải	KX	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 01' 39"	105° 25' 31"					C-48-67-D-d
miếu Bà Thiên Hậu	KX	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 01' 36"	105° 25' 35"					C-48-67-D-d
cửa Gành Hào	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải	09° 01' 18"	105° 24' 53"					C-48-67-D-d
Kênh 3	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 03' 58"	105° 25' 45"	09° 03' 02"	105° 26' 33"	C-48-67-D-d
Kênh Chệt	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 03' 23"	105° 25' 00"	09° 03' 58"	105° 25' 45"	C-48-67-D-d
Kênh Xáng	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 04' 51"	105° 28' 06"	09° 02' 02"	105° 25' 10"	C-48-67-D-d
Rạch Cóc	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 03' 23"	105° 25' 00"	09° 03' 09"	105° 24' 35"	C-48-67-D-d
Rạch Già	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 03' 46"	105° 25' 55"	09° 03' 17"	105° 24' 54"	C-48-67-D-d
Rạch Vược	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 01' 30"	105° 24' 58"	09° 01' 34"	105° 25' 41"	C-48-67-D-d
sông Gành Hào	TV	TT. Gành Hào	H. Đông Hải			09° 05' 33"	105° 15' 07"	09° 01' 18"	105° 24' 53"	C-48-67-D-d
ấp Cái Keo	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 04' 23"	105° 20' 47"					C-48-67-D-c
ấp Chòi Mồi	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 05' 37"	105° 18' 53"					C-48-67-D-c
ấp Long Phú	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 05' 28"	105° 20' 40"					C-48-67-D-c
ấp Minh Thìn	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 06' 46"	105° 21' 47"					C-48-67-D-c
ấp Minh Thìn A	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 06' 53"	105° 22' 44"					C-48-67-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Thắng	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 06' 30"	105° 23' 48"					C-48-67-D-d
ấp Phước Thắng A	DC	xã An Phúc	H. Đông Hải	09° 05' 55"	105° 23' 08"					C-48-67-D-d
Kênh Cái	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 04' 51"	105° 18' 28"	09° 06' 24"	105° 19' 25"	C-48-67-D-c
kênh Cựa Gà	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 05' 41"	105° 20' 14"	09° 06' 26"	105° 20' 15"	C-48-67-D-c, C-48-67-D-d
Kênh Đê	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 05' 10"	105° 21' 07"	09° 08' 46"	105° 20' 18"	C-48-67-D-c
kênh Huyện Tịnh	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 05' 03"	105° 23' 36"	09° 05' 10"	105° 22' 32"	C-48-67-D-c, C-48-67-D-d
kênh Lợi Điền	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 07' 57"	105° 22' 53"	09° 07' 09"	105° 22' 51"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
kênh Mộng Vân	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 08' 03"	105° 22' 22"	09° 07' 17"	105° 22' 06"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-c
kênh Nhạn Đực	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 06' 26"	105° 20' 15"	09° 06' 50"	105° 19' 57"	C-48-67-D-c
kênh Rạch Bần	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 06' 24"	105° 19' 25"	09° 05' 11"	105° 21' 04"	C-48-67-D-c
kênh Sáu Thước	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 08' 12"	105° 24' 06"	09° 08' 16"	105° 21' 14"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Số 1	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 05' 54"	105° 23' 45"	09° 06' 07"	105° 22' 07"	C-48-67-D-c, C-48-67-D-d
kênh Số 2	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 06' 25"	105° 23' 50"	09° 06' 45"	105° 21' 46"	C-48-67-D-c, C-48-67-D-d
kênh xáng Hộ Phòng-Gành Hào	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 04' 08"	105° 23' 29"	09° 13' 36"	105° 24' 58"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
sông Cái Keo	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 05' 10"	105° 22' 32"	09° 04' 20"	105° 20' 44"	C-48-67-D-c, C-48-67-D-d
sông Gành Hào	TV	xã An Phúc	H. Đông Hải			09° 05' 33"	105° 15' 07"	09° 01' 18"	105° 24' 53"	C-48-67-D-c, C-48-67-D-d
ấp Anh Dũng	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 09' 08"	105° 20' 56"					C-48-67-D-a
ấp Hiệp Vinh	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 09' 48"	105° 21' 19"					C-48-67-D-a
ấp Hoàng Minh	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 08' 13"	105° 19' 41"					C-48-67-D-c
ấp Hoàng Minh A	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 08' 58"	105° 19' 23"					C-48-67-D-a
ấp Lung Lá	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 07' 55"	105° 19' 47"					C-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Thành Thường	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 11' 11"	105° 18' 05"					C-48-67-D-a
ấp Thành Thường A	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 11' 10"	105° 19' 49"					C-48-67-D-a
ấp Văn Đức A	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 10' 35"	105° 18' 09"					C-48-67-D-a
ấp Văn Đức B	DC	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 09' 43"	105° 19' 23"					C-48-67-D-a
chùa Liên Hoa	KX	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 11' 57"	105° 20' 07"					C-48-67-D-a
nhà thờ Khúc Tréo	KX	xã An Trạch	H. Đông Hải	09° 11' 47"	105° 19' 44"					C-48-67-D-a
kênh Bàu Chứa	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 06' 24"	105° 19' 25"	09° 07' 46"	105° 19' 35"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-c
kênh Bộ Buối	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 12' 20"	105° 21' 04"	09° 10' 54"	105° 21' 16"	C-48-67-D-a
Kênh Cùg	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 12' 00"	105° 20' 13"	09° 10' 50"	105° 21' 12"	C-48-67-D-a
kênh Chăn Bè	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 10' 14"	105° 18' 51"	09° 09' 05"	105° 18' 36"	C-48-67-D-a
kênh Chệt Nhiễm	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 05"	105° 18' 36"	09° 07' 46"	105° 19' 35"	C-48-67-D-a
kênh Chiêu Liêu	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 59"	105° 18' 48"	09° 08' 38"	105° 21' 54"	C-48-67-D-a
Kênh Đê	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 05' 10"	105° 21' 07"	09° 08' 46"	105° 20' 18"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-c
kênh Điền Cô Ba	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 08' 09"	105° 21' 57"	09° 10' 54"	105° 21' 16"	C-48-67-D-a
kênh Hiệp Thành	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 47"	105° 20' 28"	09° 07' 44"	105° 19' 37"	C-48-67-D-a
kênh Kim Thà	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 11' 48"	105° 19' 44"	09° 10' 18"	105° 20' 04"	C-48-67-D-a
kênh Láng Chảo	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 11' 30"	105° 18' 56"	09° 10' 18"	105° 19' 10"	C-48-67-D-a
kênh Máng Dơi	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 10' 14"	105° 18' 53"	09° 10' 18"	105° 20' 04"	C-48-67-D-a
Kênh Mới	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 03"	105° 21' 51"	09° 09' 00"	105° 21' 12"	C-48-67-D-a
kênh Sáu Đồng	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 10' 24"	105° 21' 11"	09° 10' 18"	105° 20' 04"	C-48-67-D-a
kênh Sáu Thước	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 08' 12"	105° 24' 06"	09° 08' 16"	105° 21' 14"	C-48-67-D-a
kênh Thanh Niên	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 52"	105° 21' 21"	09° 10' 10"	105° 20' 10"	C-48-67-D-a
kênh Trà Là	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 39"	105° 19' 37"	09° 08' 54"	105° 19' 20"	C-48-67-D-a
kênh Trâm Bàu	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 42"	105° 18' 41"	09° 08' 26"	105° 20' 04"	C-48-67-D-a
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Cây Giá	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 01"	105° 18' 18"	09° 08' 07"	105° 16' 54"	C-48-67-D-a
sông Chăn Bè	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 10' 14"	105° 18' 51"	09° 11' 10"	105° 17' 55"	C-48-67-D-a
sông Lung Xinh	TV	xã An Trạch	H. Đông Hải			09° 09' 50"	105° 17' 59"	09° 09' 33"	105° 18' 27"	C-48-67-D-a
Ấp 1	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 09' 32"	105° 23' 38"					C-48-67-D-b
Ấp 2	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 08' 16"	105° 24' 05"					C-48-67-D-b
ấp Ba Mến	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 11' 24"	105° 22' 26"					C-48-67-D-a
ấp Ba Mến A	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 10' 39"	105° 21' 50"					C-48-67-D-a
ấp Quyết Chiến	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 11' 07"	105° 23' 40"					C-48-67-D-b
ấp Quyết Thắng	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 11' 35"	105° 23' 53"					C-48-67-D-b
ấp Thành Thường B	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 12' 31"	105° 21' 34"					C-48-67-D-a
ấp Thành Thường C	DC	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 13' 08"	105° 23' 23"					C-48-67-D-b
đình Nguyễn Trung Trực	KX	xã An Trạch A	H. Đông Hải	09° 12' 43"	105° 22' 07"					C-48-67-D-a
kênh Ba Tinh	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 10' 20"	105° 24' 25"	09° 10' 18"	105° 22' 53"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Bộ Buối	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 12' 20"	105° 21' 04"	09° 10' 54"	105° 21' 16"	C-48-67-D-a
kênh Chệt Khọt	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 13' 17"	105° 23' 41"	09° 11' 36"	105° 24' 01"	C-48-67-D-b
kênh Điền Cô Ba	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 08' 09"	105° 21' 57"	09° 10' 54"	105° 21' 16"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Gạch Ong	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 11' 41"	105° 24' 38"	09° 11' 31"	105° 23' 30"	C-48-67-D-b
kênh Giáo Quang	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 08' 11"	105° 23' 16"	09° 09' 56"	105° 22' 46"	C-48-67-D-b
kênh Hàng Gòn	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 10' 40"	105° 22' 29"	09° 09' 48"	105° 21' 55"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Hoà Đồ	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 12' 43"	105° 22' 02"	09° 10' 40"	105° 22' 29"	C-48-67-D-a
kênh Mã Êm	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 13' 06"	105° 23' 04"	09° 11' 31"	105° 23' 30"	C-48-67-D-b
kênh Sáu Thước	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 08' 12"	105° 24' 06"	09° 08' 16"	105° 21' 14"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Sáu Thước nhỏ	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 10' 13"	105° 22' 48"	09° 09' 44"	105° 24' 20"	C-48-67-D-b
Kênh Tây	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 10' 40"	105° 22' 29"	09° 10' 54"	105° 21' 16"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Thanh Niên	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 09' 17"	105° 24' 16"	09° 09' 06"	105° 22' 44"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh Trà Thê	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 10' 35"	105° 24' 28"	09° 11' 31"	105° 23' 30"	C-48-67-D-b
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-b
kênh xáng Hộ Phòng-Gành Hào	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 04' 08"	105° 23' 29"	09° 13' 36"	105° 24' 58"	C-48-67-D-b
kênh Xóm Giữa	TV	xã An Trạch A	H. Đông Hải			09° 09' 49"	105° 21' 22"	09° 09' 48"	105° 21' 55"	C-48-67-D-a
ấp Bờ Càng	DC	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 07' 31"	105° 29' 14"					C-48-67-D-b
ấp Diêm Điền	DC	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 08' 05"	105° 29' 21"					C-48-67-D-b
ấp Doanh Điền	DC	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 07' 12"	105° 28' 20"					C-48-67-D-d
ấp Gò Cát	DC	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 06' 40"	105° 29' 33"					C-48-67-D-d
ấp Huy Điền	DC	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 06' 59"	105° 27' 20"					C-48-67-D-d
ấp Long Hà	DC	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 05' 44"	105° 27' 26"					C-48-67-D-d
cầu Kênh Tư	KX	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 07' 57"	105° 29' 20"					C-48-67-D-b
đường tỉnh Giá Rai-Gành Hào (Đ.T.980)	KX	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 14' 23"	105° 27' 25"	09° 07' 59"	105° 29' 20"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
Hợp tác xã Long Hà	KX	xã Diên Hải	H. Đông Hải	09° 05' 16"	105° 28' 16"					C-48-67-D-d
kênh Hội Đồng Tỵ	TV	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 06' 21"	105° 26' 13"	09° 05' 16"	105° 28' 26"	C-48-67-D-d
kênh Huyện Kệ	TV	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 05' 43"	105° 29' 50"	09° 12' 52"	105° 29' 09"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
kênh Lầm Cháy	TV	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 07' 39"	105° 26' 28"	09° 07' 43"	105° 28' 11"	C-48-67-D-b
Kênh Mới	TV	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 06' 23"	105° 26' 11"	09° 07' 58"	105° 29' 23"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
Kênh Tư	TV	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 07' 58"	105° 29' 23"	09° 08' 19"	105° 29' 59"	C-48-67-D-b
Kênh Xáng	TV	xã Diên Hải	H. Đông Hải			09° 04' 51"	105° 28' 06"	09° 02' 02"	105° 25' 10"	C-48-67-D-d
ấp Cây Giá	DC	xã Định Thành	H. Đông Hải	09° 07' 23"	105° 18' 34"					C-48-67-D-c
ấp Cây Thê	DC	xã Định Thành	H. Đông Hải	09° 10' 47"	105° 17' 11"					C-48-67-D-a
ấp Chòi Mòi	DC	xã Định Thành	H. Đông Hải	09° 05' 24"	105° 17' 56"					C-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Lung Chim	DC	xã Định Thành	H. Đông Hải	09° 06' 48"	105° 18' 13"					C-48-67-D-c
ấp Lung Xinh	DC	xã Định Thành	H. Đông Hải	09° 09' 16"	105° 17' 30"					C-48-67-D-a
kênh Bàu Chứa	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 06' 24"	105° 19' 25"	09° 07' 46"	105° 19' 35"	C-48-67-D-c
Kênh Cái	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 04' 51"	105° 18' 28"	09° 06' 24"	105° 19' 25"	C-48-67-D-c
kênh Chăn Bè	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 10' 14"	105° 18' 51"	09° 09' 05"	105° 18' 36"	C-48-67-D-a
kênh Hai Đê	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 08' 38"	105° 17' 43"	09° 06' 52"	105° 18' 59"	C-48-67-D-c
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-a
kênh xáng Tắc Vân	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 05' 31"	105° 17' 35"	09° 10' 30"	105° 16' 38"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-c
sông Cây Giá	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 09' 05"	105° 18' 36"	09° 08' 07"	105° 16' 54"	C-48-67-D-a
sông Gành Hào	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 05' 33"	105° 15' 07"	09° 01' 18"	105° 24' 53"	C-48-67-D-c
sông Lung Chim	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 05' 52"	105° 17' 52"	09° 08' 07"	105° 16' 58"	C-48-67-D-c
sông Lung Xinh	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 09' 50"	105° 17' 59"	09° 09' 33"	105° 18' 27"	C-48-67-D-a
sông Voi Thượng	TV	xã Định Thành	H. Đông Hải			09° 09' 50"	105° 17' 59"	09° 10' 24"	105° 16' 41"	C-48-67-D-a
ấp Hoà Phong	DC	xã Định Thành A	H. Đông Hải	09° 06' 49"	105° 14' 45"					C-48-67-C-d
ấp Kinh Xáng	DC	xã Định Thành A	H. Đông Hải	09° 06' 30"	105° 17' 15"					C-48-67-D-c
ấp Lung Lá	DC	xã Định Thành A	H. Đông Hải	09° 07' 47"	105° 15' 55"					C-48-67-D-a
ấp Lung Rong	DC	xã Định Thành A	H. Đông Hải	09° 09' 08"	105° 15' 43"					C-48-67-D-a
ấp Phan Mâu	DC	xã Định Thành A	H. Đông Hải	09° 06' 13"	105° 16' 10"					C-48-67-D-c
kênh Lung Bồn Bồn	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 08' 36"	105° 16' 49"	09° 08' 34"	105° 15' 38"	C-48-67-D-a
kênh xáng Tắc Vân	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 05' 31"	105° 17' 35"	09° 10' 30"	105° 16' 38"	C-48-67-D-a, C-48-67-D-c
rạch Cái Su	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 08' 10"	105° 15' 02"	09° 05' 34"	105° 15' 05"	C-48-67-C-b, C-48-67-C-d, C-48-67-D-a, C-48-67-D-c
rạch Láng Tượng	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 09' 38"	105° 15' 54"	09° 08' 10"	105° 15' 02"	C-48-67-D-a
rạch Miếu Ông Tà	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 08' 20"	105° 15' 24"	09° 08' 36"	105° 16' 39"	C-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Gành Hào	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 05' 33"	105° 15' 07"	09° 01' 18"	105° 24' 53"	C-48-67-D-c
sông Láng Xéo	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 08' 37"	105° 16' 42"	09° 09' 38"	105° 15' 54"	C-48-67-D-a
sông Lung Lá	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 07' 56"	105° 16' 53"	09° 07' 45"	105° 14' 57"	C-48-67-D-a
sông Phan Mầu	TV	xã Định Thành A	H. Đông Hải			09° 07' 02"	105° 16' 02"	09° 05' 30"	105° 15' 57"	C-48-67-D-c
ấp Cây Dương	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 10' 13"	105° 26' 18"					C-48-67-D-b
ấp Cây Dương A	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 10' 05"	105° 24' 30"					C-48-67-D-b
ấp Cây Giang	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 12' 46"	105° 29' 09"					C-48-67-D-b
ấp Cây Giang A	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 13' 26"	105° 28' 45"					C-48-67-D-b
ấp Công Điền	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 09' 20"	105° 27' 01"					C-48-67-D-b
ấp Đại Điền	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 08' 11"	105° 27' 29"					C-48-67-D-b
ấp Đầu Lá	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 12' 33"	105° 24' 52"					C-48-67-D-b
ấp Hoà 1	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 08' 47"	105° 29' 29"					C-48-67-D-b
ấp Hoà 2	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 10' 46"	105° 28' 50"					C-48-67-D-b
ấp Hoà Thạnh	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 11' 30"	105° 28' 34"					C-48-67-D-b
ấp Rạch Rắn	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 13' 14"	105° 27' 41"					C-48-67-D-b
ấp Thạnh 1	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 09' 26"	105° 28' 00"					C-48-67-D-b
ấp Thạnh 2	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 10' 01"	105° 26' 57"					C-48-67-D-b
ấp Thạnh An	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 11' 15"	105° 25' 34"					C-48-67-D-b
ấp Thạnh Trị	DC	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 11' 25"	105° 27' 00"					C-48-67-D-b
cầu Bà Cáo	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 09' 07"	105° 29' 30"					C-48-67-D-b
cầu Hoà Thạnh	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 11' 38"	105° 28' 27"					C-48-67-D-b
cầu Hoà Trung	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 10' 58"	105° 28' 46"					C-48-67-D-b
cầu Rạch Giồng	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 12' 28"	105° 28' 37"					C-48-67-D-b
cầu Rạch Rắn	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 13' 16"	105° 27' 43"					C-48-67-D-b
cầu Tư Cồ	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 08' 42"	105° 29' 21"					C-48-67-D-b
chùa Long Phước	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 13' 05"	105° 28' 52"					C-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Di tích lịch sử Nơi thành lập Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên tỉnh Bạc Liêu	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 12' 53"	105° 27' 30"					C-48-67-D-b
đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 12' 57"	105° 29' 00"					C-48-67-D-b
đình thần Long Điền	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải	09° 12' 49"	105° 29' 11"					C-48-67-D-b
đường tỉnh Giá Rai-Gành Hào (Đ.T.980)	KX	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 14' 23"	105° 27' 25"	09° 07' 59"	105° 29' 20"	C-48-67-D-b
kênh Ách Công	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 10' 49"	105° 24' 34"	09° 10' 32"	105° 26' 57"	C-48-67-D-b
kênh Bội Du	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 13' 46"	105° 28' 04"	09° 13' 06"	105° 29' 12"	C-48-67-D-b
kênh Cầu Báy	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 13' 06"	105° 29' 13"	09° 13' 15"	105° 27' 44"	C-48-67-D-b
kênh Cây Dương	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 11' 48"	105° 25' 37"	09° 09' 52"	105° 27' 25"	C-48-67-D-b
kênh Cây Giang	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 09' 12"	105° 26' 41"	09° 12' 01"	105° 28' 33"	C-48-67-D-b
Kênh Chùa	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 08' 40"	105° 24' 14"	09° 08' 50"	105° 26' 29"	C-48-67-D-b
kênh Đầu Lá	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 11' 44"	105° 24' 42"	09° 12' 29"	105° 26' 48"	C-48-67-D-b
kênh Đường Đào	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 11' 59"	105° 26' 54"	09° 09' 12"	105° 26' 41"	C-48-67-D-b
kênh Hoà Đông	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 10' 48"	105° 28' 04"	09° 11' 23"	105° 31' 03"	C-48-67-D-b
kênh Huyện Kệ	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 05' 43"	105° 29' 50"	09° 12' 52"	105° 29' 09"	C-48-67-D-b
kênh Khóm Sáu	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 11' 50"	105° 25' 35"	09° 13' 00"	105° 25' 21"	C-48-67-D-b
kênh Lầm Đồi	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 07' 56"	105° 26' 30"	09° 09' 21"	105° 29' 02"	C-48-67-D-b
kênh Lộ Cù	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 13' 47"	105° 25' 40"	09° 13' 06"	105° 29' 12"	C-48-67-D-b
kênh Minh Điền	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 10' 32"	105° 31' 01"	09° 09' 42"	105° 29' 26"	C-48-67-D-b
kênh Rạch Rắn	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 12' 29"	105° 26' 48"	09° 13' 15"	105° 27' 44"	C-48-67-D-b
kênh Thọ Điền	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 10' 04"	105° 27' 43"	09° 09' 42"	105° 29' 26"	C-48-67-D-b
kênh Thổ Lác	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 13' 37"	105° 25' 03"	09° 12' 29"	105° 26' 48"	C-48-67-D-b
kênh xáng Hộ Phòng-Gành Hào	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 04' 08"	105° 23' 29"	09° 13' 36"	105° 24' 58"	C-48-67-D-b
kênh Xóm Mới	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 12' 39"	105° 28' 57"	09° 12' 11"	105° 31' 14"	C-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Bà Già	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 12' 52"	105° 29' 09"	09° 14' 39"	105° 29' 04"	C-48-67-D-b
rạch Mũi Giá	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 12' 29"	105° 30' 26"	09° 12' 52"	105° 29' 09"	C-48-67-D-b
sông Công Điền	TV	xã Long Điền	H. Đông Hải			09° 09' 12"	105° 26' 41"	09° 06' 23"	105° 26' 11"	C-48-67-D-b
ấp Bửu 1	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 10' 10"	105° 32' 12"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Bửu 2	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 08' 55"	105° 31' 05"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Bửu Đông	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 11' 31"	105° 33' 36"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Cái Cùg	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 09' 34"	105° 33' 52"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Minh Điền	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 10' 18"	105° 30' 41"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Trung Điền	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 11' 03"	105° 31' 46"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Trường Điền	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 09' 04"	105° 30' 15"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Điền	DC	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải	09° 09' 00"	105° 32' 59"					C-48-68-C-(a+c)
kênh Bê Xá Bú	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 09' 50"	105° 32' 36"	09° 08' 11"	105° 33' 30"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Bửu 1	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 10' 08"	105° 33' 07"	09° 09' 19"	105° 31' 42"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Bửu 2	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 08' 19"	105° 29' 59"	09° 09' 19"	105° 31' 42"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Bửu Đông	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 11' 03"	105° 34' 00"	09° 10' 33"	105° 32' 49"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Cống Cái Cùg	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 08' 12"	105° 34' 49"	09° 15' 36"	105° 32' 44"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Cống Ông Đàn	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 12' 03"	105° 33' 43"	09° 11' 23"	105° 31' 03"	C-48-68-C-(a+c)
Kênh Giữa	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 10' 27"	105° 33' 39"	09° 08' 54"	105° 31' 59"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Hoà Đông	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 10' 48"	105° 28' 04"	09° 11' 23"	105° 31' 03"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
Kênh Lầm	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 10' 47"	105° 34' 04"	09° 10' 08"	105° 33' 07"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Minh Điền	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 10' 32"	105° 31' 01"	09° 09' 42"	105° 29' 26"	C-48-68-C-(a+c)
Kênh Ngang	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 11' 09"	105° 29' 40"	09° 10' 01"	105° 30' 04"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
kênh Phước Điền Số 4	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 12' 36"	105° 31' 11"	09° 07' 55"	105° 32' 38"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Quý Điền	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 10' 33"	105° 32' 49"	09° 09' 47"	105° 31' 28"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Trung Điền	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 11' 30"	105° 31' 51"	09° 10' 34"	105° 31' 06"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Trường Điền	TV	xã Long Điền Đông	H. Đông Hải			09° 09' 00"	105° 30' 05"	09° 09' 46"	105° 31' 26"	C-48-68-C-(a+c)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Áp 1	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 15' 33"	105° 32' 41"					C-48-68-A-c
Áp 2	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 14' 04"	105° 31' 43"					C-48-68-C-(a+c)
Áp 3	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 14' 55"	105° 30' 14"					C-48-68-C-(a+c)
Áp 4	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 14' 00"	105° 29' 41"					C-48-67-D-b
ấp Châu Điền	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 12' 34"	105° 30' 37"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Hiệp Điền	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 12' 50"	105° 33' 12"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Mỹ Điền	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 12' 52"	105° 32' 05"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Phước Điền	DC	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải	09° 11' 54"	105° 31' 08"					C-48-68-C-(a+c)
kênh Ba Thông	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 11"	105° 31' 14"	09° 12' 39"	105° 31' 19"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Cầu Móng Vuông	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 13' 11"	105° 32' 13"	09° 11' 55"	105° 33' 19"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Cống Cái Cù	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 08' 12"	105° 34' 49"	09° 15' 36"	105° 32' 44"	C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Cống Ông Đán	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 03"	105° 33' 43"	09° 11' 23"	105° 31' 03"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Châu Điền	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 29"	105° 30' 26"	09° 13' 07"	105° 31' 17"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
kênh Đốc Béc	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 17' 03"	105° 31' 43"	09° 13' 58"	105° 32' 54"	C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Hoà Đông	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 10' 48"	105° 28' 04"	09° 11' 23"	105° 31' 03"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
kênh Láng Tròn	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 13' 07"	105° 31' 17"	09° 15' 04"	105° 30' 41"	C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Lộ Cù	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 13' 47"	105° 25' 40"	09° 13' 06"	105° 29' 12"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 11' 30"	105° 31' 51"	09° 11' 37"	105° 31' 57"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Mỹ Điền	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 13' 07"	105° 31' 17"	09° 13' 46"	105° 32' 26"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Mỹ Điền	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 01"	105° 31' 57"	09° 13' 05"	105° 32' 01"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Phước Điền Số 4	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 36"	105° 31' 11"	09° 07' 55"	105° 32' 38"	C-48-68-C-(a+c)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
kênh Xóm Mới	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 29"	105° 30' 26"	09° 11' 58"	105° 30' 26"	C-48-68-C-(a+c)
rạch Bà Già	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 52"	105° 29' 09"	09° 14' 39"	105° 29' 04"	C-48-67-D-b
rạch Mũi Giá	TV	xã Long Điền Đông A	H. Đông Hải			09° 12' 29"	105° 30' 26"	09° 12' 52"	105° 29' 09"	C-48-67-D-b, C-48-68-C-(a+c)
ấp An Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 06' 07"	105° 26' 12"					C-48-67-D-d
ấp Bình Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 03' 42"	105° 27' 05"					C-48-67-D-d
ấp Canh Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 03' 29"	105° 24' 16"					C-48-67-D-d
ấp Lam Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 07' 14"	105° 24' 02"					C-48-67-D-d
ấp Lập Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 08' 08"	105° 25' 51"					C-48-67-D-b
ấp Thanh Hải	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 04' 51"	105° 26' 04"					C-48-67-D-d
ấp Thuận Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 06' 29"	105° 26' 11"					C-48-67-D-d
ấp Vinh Điền	DC	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải	09° 06' 59"	105° 25' 04"					C-48-67-D-d
Kênh 1	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 03' 57"	105° 27' 19"	09° 04' 54"	105° 26' 27"	C-48-67-D-d
Kênh 2	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 05' 17"	105° 25' 14"	09° 03' 40"	105° 27' 06"	C-48-67-D-d
Kênh 3	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 03' 58"	105° 25' 45"	09° 03' 02"	105° 26' 33"	C-48-67-D-d
Kênh Chệt	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 03' 23"	105° 25' 00"	09° 03' 58"	105° 25' 45"	C-48-67-D-d
Kênh Chùa	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 08' 40"	105° 24' 14"	09° 08' 50"	105° 26' 29"	C-48-67-D-b
kênh Hội Đồng Tỵ	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 06' 21"	105° 26' 13"	09° 05' 16"	105° 28' 26"	C-48-67-D-d
kênh Khai Hoang	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 04' 07"	105° 27' 26"	09° 04' 37"	105° 27' 00"	C-48-67-D-d
kênh Lầm Cháy	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 07' 39"	105° 26' 28"	09° 07' 43"	105° 28' 11"	C-48-67-D-b
Kênh Mới	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 06' 23"	105° 26' 11"	09° 07' 58"	105° 29' 23"	C-48-67-D-d
kênh Ô Rô	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 05' 44"	105° 23' 48"	09° 05' 54"	105° 25' 56"	C-48-67-D-d
Kênh Xáng	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 04' 51"	105° 28' 06"	09° 02' 02"	105° 25' 10"	C-48-67-D-d
kênh xáng Hộ Phòng-Gành Hào	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 04' 08"	105° 23' 29"	09° 13' 36"	105° 24' 58"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
Rạch Cóc	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 03' 23"	105° 25' 00"	09° 03' 09"	105° 24' 35"	C-48-67-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Công Điền	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 09' 12"	105° 26' 41"	09° 06' 23"	105° 26' 11"	C-48-67-D-b, C-48-67-D-d
sông Gành Hào	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 05' 33"	105° 15' 07"	09° 01' 18"	105° 24' 53"	C-48-67-D-d
sông Khâu-Rạch Cóc	TV	xã Long Điền Tây	H. Đông Hải			09° 06' 23"	105° 26' 11"	09° 03' 23"	105° 25' 00"	C-48-67-D-d
ấp Cái Tràm B	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 16' 55"	105° 38' 03"					C-48-68-A-d
ấp Chùa Phật	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 16' 46"	105° 37' 23"					C-48-68-A-c
ấp Láng Giải	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 14"	105° 38' 21"					C-48-68-A-d
ấp Láng Giải A	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 18' 34"	105° 37' 59"					C-48-68-A-d
ấp Thị Trấn A	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 01"	105° 37' 54"					C-48-68-A-d
ấp Thị Trấn A1	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 11"	105° 37' 28"					C-48-68-A-c
ấp Thị Trấn B	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 40"	105° 36' 50"					C-48-68-A-c
ấp Thị Trấn B1	DC	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 16' 43"	105° 36' 42"					C-48-68-A-c
cầu Cái Tràm	KX	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 15"	105° 39' 01"					C-48-68-A-d
cầu Địa Chuối	KX	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 16' 48"	105° 37' 07"					C-48-68-A-c
chùa Hoà Bình Cũ (Serey po thi men kol)	KX	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 16"	105° 37' 41"					C-48-68-A-d
Di tích lịch sử Thành Hoàng Cỏ Miếu	KX	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 16' 59"	105° 37' 30"					C-48-68-A-c
đình Bình An	KX	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 17' 17"	105° 38' 18"					C-48-68-A-d
Quốc lộ 1	KX	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
cổng Địa Chuối	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình	09° 16' 53"	105° 37' 00"					C-48-68-A-c
kênh 30 tháng 4	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 10' 29"	105° 40' 13"	09° 16' 49"	105° 37' 32"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Ba Hên	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 15' 40"	105° 38' 05"	09° 16' 06"	105° 39' 17"	C-48-68-A-d
kênh Bào Sen	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 17' 42"	105° 38' 34"	09° 18' 53"	105° 37' 49"	C-48-68-A-d
kênh Châu Phú	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 15' 34"	105° 35' 45"	09° 16' 19"	105° 36' 47"	C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Chùa Nhỏ	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 16' 46"	105° 37' 18"	09° 15' 15"	105° 37' 13"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
kênh Địa Chuối	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 16' 45"	105° 37' 08"	09° 17' 47"	105° 36' 50"	C-48-68-A-c
kênh Hàng Bần	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 16' 50"	105° 37' 30"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 23	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 51"	105° 39' 05"	09° 18' 00"	105° 36' 40"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 25	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 18' 53"	105° 39' 57"	09° 16' 57"	105° 36' 58"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
kênh Mười Tám Thước	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 17' 13"	105° 39' 01"	09° 17' 47"	105° 36' 50"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
rạch Bào Ráng	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 17' 56"	105° 38' 22"	09° 20' 34"	105° 38' 12"	C-48-68-A-d
rạch Cái Phóc	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 15' 41"	105° 39' 27"	09° 17' 12"	105° 39' 01"	C-48-68-A-d
rạch Địa Chuối	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 17"	105° 34' 29"	09° 16' 55"	105° 36' 57"	C-48-68-A-c
rạch Lòng Cháo	TV	TT. Hoà Bình	H. Hoà Bình			09° 16' 23"	105° 38' 32"	09° 17' 00"	105° 39' 02"	C-48-68-A-d
Ấp 21	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 19' 06"	105° 34' 59"					C-48-68-A-c
Ấp 33	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 22"	105° 36' 26"					C-48-68-A-c
Ấp 36	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 19' 53"	105° 36' 23"					C-48-68-A-c
Ấp 37	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 15"	105° 37' 52"					C-48-68-A-d
Ấp 38	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 19' 10"	105° 37' 17"					C-48-68-A-c
ấp Cá Rô	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 21"	105° 37' 02"					C-48-68-A-c
ấp Hậu Bồi 1	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 21' 08"	105° 35' 18"					C-48-68-A-c
ấp Hậu Bồi 2	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 21' 19"	105° 35' 53"					C-48-68-A-c
ấp Nam Hưng	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 56"	105° 38' 07"					C-48-68-A-d
ấp Ninh Lợi	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 10"	105° 34' 28"					C-48-68-A-c
ấp Trà Co	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 16"	105° 35' 30"					C-48-68-A-c
ấp Trầm 1	DC	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 20' 32"	105° 38' 14"					C-48-68-A-d
cầu Bảy Phát	KX	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình	09° 19' 55"	105° 39' 01"					C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
Kênh 33	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 18' 20"	105° 36' 26"	09° 19' 38"	105° 35' 50"	C-48-68-A-c
kênh Bào Ráng	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 19' 15"	105° 38' 17"	09° 20' 34"	105° 38' 12"	C-48-68-A-d
kênh Bộ Tàu	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 21' 10"	105° 35' 23"	09° 21' 20"	105° 36' 03"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
kênh Cá Rô	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 53"	105° 36' 48"	09° 20' 53"	105° 37' 35"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
kênh Cá Rô-Xóm Lung	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 40"	105° 38' 10"	09° 21' 46"	105° 37' 03"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
Kênh Cùg	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 18"	105° 36' 41"	09° 20' 01"	105° 36' 45"	C-48-68-A-c
kênh Địa Chuối	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 21' 01"	105° 34' 23"	09° 19' 17"	105° 34' 29"	C-48-68-A-c
kênh Điền Mới	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 15"	105° 37' 49"	09° 19' 47"	105° 36' 33"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
kênh Đường Cùi	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 17' 53"	105° 38' 01"	09° 18' 53"	105° 37' 49"	C-48-68-A-d
kênh Hậu Bồi	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 55"	105° 36' 15"	09° 20' 50"	105° 35' 16"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 27' 37"	105° 28' 58"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 17	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 37"	105° 34' 43"	09° 22' 22"	105° 36' 50"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 18	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 29"	105° 34' 48"	09° 19' 09"	105° 33' 05"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 19	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 19' 45"	105° 35' 22"	09° 21' 32"	105° 37' 36"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
kênh Hoà Bình 20	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 18' 15"	105° 33' 46"	09° 19' 33"	105° 35' 29"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 21	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 42"	105° 38' 21"	09° 18' 47"	105° 36' 05"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 22	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 17' 21"	105° 34' 29"	09° 18' 46"	105° 36' 05"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 23	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 19' 51"	105° 39' 05"	09° 18' 00"	105° 36' 40"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Lung Lác-Vườn Tràm	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 22' 29"	105° 34' 28"	09° 23' 22"	105° 34' 25"	C-48-68-A-c
kênh Năm Tùng	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 21' 49"	105° 37' 20"	09° 21' 55"	105° 36' 18"	C-48-68-A-c
Kênh Ngang	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 21' 41"	105° 36' 00"	09° 20' 00"	105° 37' 31"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-d
kênh Trà Co	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 20' 59"	105° 35' 11"	09° 19' 38"	105° 35' 50"	C-48-68-A-c
kênh Xóm Lung	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 21' 27"	105° 37' 10"	09° 20' 54"	105° 36' 48"	C-48-68-A-c
Kênh Xuôi	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 19' 31"	105° 35' 32"	09° 20' 01"	105° 36' 45"	C-48-68-A-c
rạch Địa Chuối	TV	xã Minh Diệu	H. Hoà Bình			09° 19' 17"	105° 34' 29"	09° 16' 55"	105° 36' 57"	C-48-68-A-c
Áp 17	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 19' 06"	105° 33' 01"					C-48-68-A-c
Áp 18	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 20' 00"	105° 32' 18"					C-48-68-A-c
Áp 19	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 19' 01"	105° 31' 18"					C-48-68-A-c
Áp 20	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 18' 04"	105° 31' 54"					C-48-68-A-c
ấp Kế Phòng	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 20' 27"	105° 32' 55"					C-48-68-A-c
ấp Minh Hoà	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 20' 32"	105° 32' 00"					C-48-68-A-c
ấp Mỹ Phú Nam	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 21' 50"	105° 32' 35"					C-48-68-A-c
ấp Ninh Lợi	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 19' 17"	105° 33' 42"					C-48-68-A-c
ấp Thanh Hưng 2	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 21' 31"	105° 33' 49"					C-48-68-A-c
ấp Thanh Sơn	DC	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 19' 16"	105° 34' 23"					C-48-68-A-c
cầu Bào Sàng	KX	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 19' 09"	105° 33' 01"					C-48-68-A-c
cầu Cây Dương	KX	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 18' 11"	105° 33' 47"					C-48-68-A-c
chùa Se Rey Vong Sa Chêk Meas (chùa Địa Chuối)	KX	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình	09° 19' 15"	105° 34' 25"					C-48-68-A-c
đường tỉnh Vĩnh Mỹ-Phước Long (ĐT.979)	KX	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 16' 17"	105° 35' 16"	09° 26' 15"	105° 27' 33"	C-48-68-A-c
kênh Bàu Xăng	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 09"	105° 33' 02"	09° 19' 08"	105° 30' 18"	C-48-68-A-c
kênh Cây Dương-Vĩnh Phong 17	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 18' 13"	105° 33' 38"	09° 18' 03"	105° 30' 57"	C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh Chùa	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 09"	105° 33' 04"	09° 19' 17"	105° 34' 29"	C-48-68-A-c
kênh Đìa Chuối	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 21' 01"	105° 34' 23"	09° 19' 17"	105° 34' 29"	C-48-68-A-c
kênh Hào Xén	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 21' 06"	105° 31' 31"	09° 23' 27"	105° 33' 03"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 27' 37"	105° 28' 58"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 14	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 20' 46"	105° 31' 47"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 16	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 20' 00"	105° 32' 23"	09° 21' 20"	105° 34' 08"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 18	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 20' 29"	105° 34' 48"	09° 19' 09"	105° 33' 05"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 20	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 18' 15"	105° 33' 46"	09° 19' 33"	105° 35' 29"	C-48-68-A-c
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 18"	105° 32' 56"	09° 21' 13"	105° 32' 25"	C-48-68-A-c
kênh Ông Nhuận	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 18' 42"	105° 30' 40"	09° 19' 33"	105° 30' 45"	C-48-68-A-c
kênh Thuỷ Lợi 1	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 22' 52"	105° 30' 09"	09° 22' 02"	105° 33' 33"	C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Mỹ-Phước Long	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 16' 17"	105° 35' 17"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-68-A-c
rạch Bàu Cùi	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 01"	105° 31' 46"	09° 18' 11"	105° 33' 47"	C-48-68-A-c
rạch Cây Đông	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 20' 23"	105° 33' 18"	09° 22' 39"	105° 34' 02"	C-48-68-A-c
Rạch Chùa	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 18' 04"	105° 34' 20"	09° 19' 17"	105° 34' 29"	C-48-68-A-c
rạch Đìa Chuối	TV	xã Vĩnh Bình	H. Hoà Bình			09° 19' 17"	105° 34' 29"	09° 16' 55"	105° 36' 57"	C-48-68-A-c
Ấp 13	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 11' 12"	105° 40' 43"					C-48-68-C-b
Ấp 14	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 11' 00"	105° 40' 04"					C-48-68-C-b
ấp Cái Tràm	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 15' 18"	105° 39' 05"					C-48-68-A-d
ấp Toàn Thắng	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 15' 19"	105° 38' 17"					C-48-68-A-d
ấp Thống Nhất	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 11' 33"	105° 39' 11"					C-48-68-C-b
ấp Vĩnh Mẫu	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 12' 32"	105° 39' 23"					C-48-68-C-b
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình	09° 13' 43"	105° 38' 55"					C-48-68-C-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 10' 29"	105° 40' 13"	09° 16' 49"	105° 37' 32"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Ba Hên	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 15' 40"	105° 38' 05"	09° 16' 06"	105° 39' 17"	C-48-68-A-d
kênh Cầu Trâu	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 13' 52"	105° 37' 43"	09° 12' 05"	105° 38' 22"	C-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Giồng Me	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 16' 55"	105° 43' 03"	09° 14' 19"	105° 38' 45"	C-48-68-C-b
kênh Kinh Tế 2	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 14' 23"	105° 39' 48"	09° 11' 21"	105° 40' 56"	C-48-68-C-b
kênh Làng Hưu	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 14' 15"	105° 39' 23"	09° 11' 12"	105° 40' 32"	C-48-68-C-b
kênh Lâm Phước Sơn	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 15' 50"	105° 40' 13"	09° 14' 35"	105° 40' 20"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 14' 40"	105° 38' 34"	09° 13' 52"	105° 37' 43"	C-48-68-C-b
kênh Miếu Bà	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 14' 40"	105° 38' 34"	09° 15' 57"	105° 39' 18"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Trường Sơn	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 09' 49"	105° 34' 22"	09° 13' 00"	105° 41' 47"	C-48-68-C-b
rạch Cái Phóc	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 15' 41"	105° 39' 27"	09° 17' 12"	105° 39' 01"	C-48-68-A-d
rạch Giồng Tra	TV	xã Vĩnh Hậu	H. Hoà Bình			09° 15' 41"	105° 39' 27"	09° 16' 28"	105° 41' 32"	C-48-68-A-d
Áp 12	DC	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình	09° 12' 44"	105° 41' 02"					C-48-68-C-b
Áp 15	DC	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình	09° 12' 08"	105° 42' 53"					C-48-68-C-b
Áp 16	DC	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình	09° 13' 05"	105° 41' 56"					C-48-68-C-b
Áp 17	DC	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình	09° 15' 49"	105° 42' 15"					C-48-68-A-d
ấp Cây Gừa	DC	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình	09° 15' 16"	105° 41' 15"					C-48-68-A-d
ấp Giồng Tra	DC	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình	09° 16' 29"	105° 41' 18"					C-48-68-A-d
Kênh 10	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 12' 54"	105° 41' 27"	09° 11' 42"	105° 41' 54"	C-48-68-C-b
Kênh 11	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 12' 49"	105° 41' 14"	09° 11' 37"	105° 41' 41"	C-48-68-C-b
Kênh 12	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 14' 35"	105° 40' 20"	09° 11' 32"	105° 41' 27"	C-48-68-C-b
kênh Chùa Phật-Nhà Mát	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 16' 48"	105° 41' 17"	09° 16' 06"	105° 39' 17"	C-48-68-A-d
kênh Giồng Me	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 16' 55"	105° 43' 03"	09° 14' 19"	105° 38' 45"	C-48-68-C-b, C-48-68-A-d
kênh Lâm Phước Sơn	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 15' 50"	105° 40' 13"	09° 14' 35"	105° 40' 20"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
Kênh Mầu	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 14' 35"	105° 43' 47"	09° 14' 07"	105° 42' 39"	C-48-68-C-b
kênh Mười Chúa	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 15' 50"	105° 40' 17"	09° 14' 48"	105° 40' 46"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Ông Sấm	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 16' 09"	105° 40' 41"	09° 16' 34"	105° 40' 37"	C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Số 4	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 13' 28"	105° 43' 16"	09° 12' 16"	105° 43' 34"	C-48-68-C-b
kênh Số 7	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 11' 39"	105° 43' 04"	09° 15' 42"	105° 41' 46"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Số 8	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 12' 49"	105° 42' 06"	09° 11' 51"	105° 42' 22"	C-48-68-C-b
kênh Số 9	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 15' 08"	105° 41' 09"	09° 11' 19"	105° 42' 17"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Trường Sơn	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 09' 49"	105° 34' 22"	09° 13' 00"	105° 41' 47"	C-48-68-C-b
rạch Dân Xây	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 16' 28"	105° 41' 32"	09° 17' 48"	105° 40' 55"	C-48-68-A-d
rạch Giồng Tra	TV	xã Vĩnh Hậu A	H. Hoà Bình			09° 15' 41"	105° 39' 27"	09° 16' 28"	105° 41' 32"	C-48-68-A-d
ấp 15A	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 36"	105° 35' 45"					C-48-68-A-c
ấp Châu Phú	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 22"	105° 35' 52"					C-48-68-A-c
ấp Do Thới	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 14' 48"	105° 34' 43"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Huy Hết	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 34"	105° 32' 47"					C-48-68-A-c
ấp Tân Tiến	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 51"	105° 33' 57"					C-48-68-A-c
ấp Vĩnh Hiệp	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 14' 26"	105° 34' 07"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Hội	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 13' 18"	105° 33' 25"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Tân	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 12' 51"	105° 36' 09"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 14' 42"	105° 38' 28"					C-48-68-C-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 13' 05"	105° 34' 22"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Xóm Lớn A	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 14' 47"	105° 36' 13"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Xóm Lớn B	DC	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 03"	105° 35' 06"					C-48-68-A-c
chùa Liên Hoa	KX	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 58"	105° 34' 15"					C-48-68-A-c
đình Vĩnh Mỹ	KX	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 21"	105° 35' 44"					C-48-68-A-c
nhà thờ Vĩnh Mỹ	KX	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình	09° 15' 34"	105° 35' 50"					C-48-68-A-c
kênh 30 tháng 4	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 10' 29"	105° 40' 13"	09° 16' 49"	105° 37' 32"	C-48-68-A-d, C-48-68-C-b
kênh Cống Cái Cù	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 08' 12"	105° 34' 49"	09° 15' 36"	105° 32' 44"	C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Châu Phú	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 15' 34"	105° 35' 45"	09° 16' 19"	105° 36' 47"	C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Đốc Thiện	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 12' 48"	105° 36' 12"	09° 12' 26"	105° 34' 43"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 14' 40"	105° 38' 34"	09° 13' 52"	105° 37' 43"	C-48-68-C-b
kênh Ông Rắn	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 13' 53"	105° 37' 42"	09° 12' 51"	105° 36' 12"	C-48-68-C-b, C-48-68-C-(a+c)
Kênh Trạng	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 14' 04"	105° 33' 10"	09° 15' 33"	105° 35' 45"	C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
kênh Vĩnh Thành	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 14' 22"	105° 33' 53"	09° 12' 26"	105° 34' 43"	C-48-68-C-(a+c)
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-68-A-c
rạch Cái Hưu	TV	xã Vĩnh Mỹ A	H. Hoà Bình			09° 12' 51"	105° 36' 12"	09° 16' 15"	105° 35' 18"	C-48-68-A-c, C-48-68-C-(a+c)
Ấp 14	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 15' 54"	105° 33' 33"					C-48-68-A-c
Ấp 15	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 15"	105° 34' 59"					C-48-68-A-c
ấp An Khoa	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 27"	105° 35' 46"					C-48-68-A-c
ấp An Nghiệp	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 17' 53"	105° 34' 05"					C-48-68-A-c
ấp An Thành	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 18' 07"	105° 35' 22"					C-48-68-A-c
ấp Bình Minh	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 18' 02"	105° 33' 53"					C-48-68-A-c
ấp Đồng Lớn 1	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 55"	105° 33' 17"					C-48-68-A-c
ấp Đồng Lớn 2	DC	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 17' 42"	105° 31' 49"					C-48-68-A-c
cầu Cái Hưu	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 18"	105° 35' 17"					C-48-68-A-c
cầu Cây Dương	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 18' 11"	105° 33' 47"					C-48-68-A-c
cầu Chệt Niêu	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 15' 51"	105° 33' 32"					C-48-68-A-c
cầu Vĩnh Mỹ	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 10"	105° 34' 45"					C-48-68-A-c
cầu Xóm Lung	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 15' 40"	105° 32' 48"					C-48-68-A-c
đường tỉnh Vĩnh Mỹ-Phước Long (ĐT.979)	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 16' 17"	105° 35' 16"	09° 26' 15"	105° 27' 33"	C-48-68-A-c
nhà thờ Vĩnh Hiệp	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 25"	105° 35' 37"					C-48-68-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trung tâm khuyến nông Bạc Liêu	KX	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 34"	105° 36' 17"					C-48-68-A-c
cổng Cầu Số 2	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình	09° 16' 44"	105° 34' 57"					C-48-68-A-c
kênh Cầu Cống	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 16' 10"	105° 34' 50"	09° 17' 14"	105° 34' 27"	C-48-68-A-c
kênh Cây Dương	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 18' 10"	105° 33' 50"	09° 17' 34"	105° 34' 43"	C-48-68-A-c
kênh Cây Dương-Vĩnh Phong 17	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 18' 13"	105° 33' 38"	09° 18' 03"	105° 30' 57"	C-48-68-A-c
kênh Chệt Niêu	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 15' 51"	105° 33' 32"	09° 16' 13"	105° 32' 42"	C-48-68-A-c
kênh Hàng Me	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 16' 09"	105° 34' 46"	09° 17' 21"	105° 32' 49"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 20	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 18' 15"	105° 33' 46"	09° 19' 33"	105° 35' 29"	C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 22	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 17' 21"	105° 34' 29"	09° 18' 46"	105° 36' 05"	C-48-68-A-c
kênh Lung Lạng	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 17' 34"	105° 34' 43"	09° 16' 34"	105° 35' 28"	C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Mỹ-Phước Long	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 16' 17"	105° 35' 17"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Phong 19	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 17' 25"	105° 30' 31"	09° 17' 05"	105° 32' 36"	C-48-68-A-c
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-68-A-c
kênh Xóm Lung	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 15' 52"	105° 32' 33"	09° 17' 05"	105° 32' 36"	C-48-68-A-c
rạch Bàu Cùi	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 19' 01"	105° 31' 46"	09° 18' 11"	105° 33' 47"	C-48-68-A-c
Rạch Chùa	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 18' 04"	105° 34' 20"	09° 19' 17"	105° 34' 29"	C-48-68-A-c
rạch Địa Chuối	TV	xã Vĩnh Mỹ B	H. Hoà Bình			09° 19' 17"	105° 34' 29"	09° 16' 55"	105° 36' 57"	C-48-68-A-c
ấp Vĩnh Bình	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 11' 57"	105° 35' 01"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Hoà	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 12' 25"	105° 36' 21"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Kiều	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 12' 50"	105° 37' 23"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Lạc	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 09' 49"	105° 34' 25"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Lập	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 11' 55"	105° 33' 49"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Mới	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 11' 35"	105° 36' 55"					C-48-68-C-(a+c)
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 11' 17"	105° 35' 20"					C-48-68-C-(a+c)
chợ Cống Cái Cùng	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình	09° 09' 45"	105° 34' 27"					C-48-68-C-(a+c)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Bảy Hồng	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 12' 26"	105° 34' 43"	09° 11' 47"	105° 35' 03"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Cầu Trâu	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 13' 52"	105° 37' 43"	09° 12' 05"	105° 38' 22"	C-48-68-C-b
kênh Cô Tư	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 10' 47"	105° 34' 06"	09° 12' 20"	105° 38' 16"	C-48-68-C-b, C-48-68-C-(a+c)
kênh Cống Cái Cùng	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 08' 12"	105° 34' 49"	09° 15' 36"	105° 32' 44"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Cống Đá	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 11' 20"	105° 33' 57"	09° 12' 20"	105° 36' 22"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Đốc Thiện	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 12' 48"	105° 36' 12"	09° 12' 26"	105° 34' 43"	C-48-68-C-(a+c)
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 11' 47"	105° 35' 03"	09° 11' 18"	105° 35' 18"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Hoành Tầu	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 12' 51"	105° 36' 12"	09° 11' 25"	105° 36' 59"	C-48-68-C-(a+c)
kênh Trường Sơn	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 09' 49"	105° 34' 22"	09° 13' 00"	105° 41' 47"	C-48-68-C-b, C-48-68-C-(a+c)
rạch Ông Rắn	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Hoà Bình			09° 12' 51"	105° 36' 12"	09° 13' 53"	105° 37' 42"	C-48-68-C-b, C-48-68-C-(a+c)
ấp Bà Gồng	DC	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 34' 03"	105° 27' 25"					C-48-55-D-d
ấp Bà Hiên	DC	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 33' 47"	105° 27' 18"					C-48-55-D-d
ấp Nội Ô	DC	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 34' 11"	105° 26' 53"					C-48-55-D-d
ấp Thống Nhất	DC	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 35' 07"	105° 26' 58"					C-48-55-D-d
ấp Trèm Trèm	DC	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 34' 38"	105° 26' 26"					C-48-55-D-d
ấp Xẻo Quao	DC	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 35' 21"	105° 26' 43"					C-48-55-D-d
chùa An Phước	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 33' 59"	105° 26' 56"					C-48-55-D-d
chùa Hưng Kiến Tự	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 34' 07"	105° 26' 21"					C-48-55-D-d
chùa Liên Hoa	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 35' 08"	105° 26' 54"					C-48-55-D-d
chùa Thanh Phước	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 35' 13"	105° 26' 50"					C-48-55-D-d
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 35' 13"	105° 26' 54"					C-48-55-D-d
miếu Bà Hiên	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 32' 51"	105° 27' 29"					C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
miếu Quan Đế	KX	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân	09° 34' 07"	105° 26' 49"					C-48-55-D-d
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-55-D-d
Kênh Chùa	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 34' 38"	105° 26' 53"	09° 34' 50"	105° 25' 41"	C-48-55-D-d
kênh Thống Nhất	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 35' 15"	105° 26' 56"	09° 33' 51"	105° 26' 35"	C-48-55-D-d
rạch Bà Gồng	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 33' 49"	105° 27' 20"	09° 34' 39"	105° 26' 55"	C-48-55-D-d
rạch Bà Hiên	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 33' 49"	105° 27' 20"	09° 32' 48"	105° 27' 29"	C-48-55-D-d
rạch Tà Ben	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 33' 58"	105° 28' 42"	09° 34' 08"	105° 26' 48"	C-48-55-D-d
sông Cái Tàu	TV	TT. Ngan Dừa	H. Hồng Dân			09° 35' 13"	105° 32' 38"	09° 38' 18"	105° 17' 35"	C-48-55-D-d
ấp Bà Ai 1	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 32' 34"	105° 24' 48"					C-48-55-D-d
ấp Bà Ai 2	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 32' 01"	105° 23' 52"					C-48-55-D-d
ấp Bình Dân	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 30' 41"	105° 25' 22"					C-48-55-D-d
ấp Cai Giăng	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 30' 23"	105° 23' 30"					C-48-55-D-d
ấp Đầu Sáu Đông	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 18"	105° 26' 28"					C-48-55-D-d
ấp Đầu Sáu Tây	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 10"	105° 26' 16"					C-48-55-D-d
ấp Kinh Xáng	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 52"	105° 26' 29"					C-48-55-D-d
ấp Phước Hoà	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 29' 38"	105° 25' 30"					C-48-67-B-b
ấp Tà Suôi	DC	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 32' 05"	105° 25' 44"					C-48-55-D-d
chùa Cô Mười	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 22"	105° 26' 55"					C-48-55-D-d
chùa Đầu Sáu	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 26"	105° 26' 32"					C-48-55-D-d
Di tích lịch sử Trận Lộc Ninh năm 1963	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 31' 43"	105° 25' 04"					C-48-55-D-d
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-55-D-d
miếu Ông Bồn	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 46"	105° 26' 34"					C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất Lộc Ninh	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 33' 26"	105° 26' 52"					C-48-55-D-c
thánh thất Ngọc Ninh	KX	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân	09° 31' 05"	105° 22' 28"					C-48-55-D-d
kênh 3 tháng 2	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 32' 36"	105° 25' 21"	09° 29' 25"	105° 21' 11"	C-48-55-D-d
kênh Bà Bồi	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 33' 16"	105° 26' 25"	09° 29' 03"	105° 27' 23"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Bà Hội	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 11"	105° 22' 35"	09° 31' 00"	105° 23' 26"	C-48-55-D-d
kênh Bào Lớn	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 22"	105° 23' 16"	09° 31' 13"	105° 24' 20"	C-48-55-D-d
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-55-D-d
kênh Cộng Hoà	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Đập Đá	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 34' 07"	105° 26' 17"	09° 33' 31"	105° 24' 11"	C-48-55-D-d
kênh Đầu Sấu	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 33' 16"	105° 26' 25"	09° 33' 49"	105° 26' 33"	C-48-55-D-d
Kênh Giữa	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 30' 43"	105° 23' 54"	09° 30' 50"	105° 25' 57"	C-48-55-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 29' 25"	105° 25' 25"	09° 29' 03"	105° 27' 23"	C-48-67-B-b
kênh Phước Hoà	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 22"	105° 25' 29"	09° 28' 43"	105° 25' 11"	C-48-67-B-b, C-48-55-D-d
kênh Trương Hồ	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 29' 48"	105° 27' 42"	09° 29' 56"	105° 25' 33"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 35' 35"	105° 21' 32"	09° 27' 37"	105° 28' 58"	C-48-55-D-d, C-48-55-D-c
kênh Vĩnh Lộc 6000	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 50"	105° 28' 20"	09° 28' 43"	105° 25' 11"	C-48-67-B-b, C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Lộc 7000	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 32' 08"	105° 28' 05"	09° 29' 00"	105° 24' 41"	C-48-67-B-b, C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Lộc 8000	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 32' 35"	105° 27' 40"	09° 29' 22"	105° 24' 16"	C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Lộc 9000	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 32' 52"	105° 27' 24"	09° 29' 40"	105° 23' 57"	C-48-67-B-b, C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Lộc 10000	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 22"	105° 25' 29"	09° 29' 48"	105° 23' 49"	C-48-67-B-b, C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Lộc 12000	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 34' 03"	105° 26' 21"	09° 32' 23"	105° 24' 33"	C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Bà Ai	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 05"	105° 22' 27"	09° 33' 16"	105° 26' 25"	C-48-55-D-d, C-48-55-D-c
rạch Bà Hội	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 30' 43"	105° 23' 40"	09° 31' 38"	105° 22' 59"	C-48-55-D-d
rạch Đầu Sáu	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 31' 23"	105° 25' 29"	09° 33' 15"	105° 26' 23"	C-48-55-D-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 33' 28"	105° 26' 26"	09° 33' 32"	105° 25' 48"	C-48-55-D-d
rạch Lung Lá	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 32' 50"	105° 24' 22"	09° 32' 21"	105° 25' 06"	C-48-55-D-d
rạch Lung Túc	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 30' 41"	105° 26' 09"	09° 30' 52"	105° 26' 42"	C-48-55-D-d
rạch Xẻo Mây	TV	xã Lộc Ninh	H. Hồng Dân			09° 32' 40"	105° 24' 16"	09° 32' 11"	105° 24' 01"	C-48-55-D-d
ấp Định An	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 34' 36"	105° 30' 40"					C-48-56-C-c
ấp Ninh An	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 33' 54"	105° 30' 05"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Định	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 35' 06"	105° 29' 28"					C-48-55-D-d
ấp Ninh Phước	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 29' 50"	105° 27' 43"					C-48-67-B-b
ấp Ninh Thạnh 1	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 31' 24"	105° 28' 49"					C-48-55-D-d
ấp Ninh Thạnh 2	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 31' 08"	105° 28' 53"					C-48-55-D-d
ấp Tà Ben	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 34' 07"	105° 28' 26"					C-48-55-D-d
ấp Tà Ky	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 30' 50"	105° 26' 42"					C-48-55-D-d
ấp Tà Óc	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 29' 38"	105° 28' 57"					C-48-67-B-b
ấp Vĩnh An	DC	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 35' 05"	105° 28' 21"					C-48-55-D-d
chùa Phước Ninh Phật Đường	KX	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân	09° 34' 49"	105° 28' 32"					C-48-55-D-d
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-55-D-d
Kênh 5000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 31' 20"	105° 28' 47"	09° 30' 29"	105° 27' 20"	C-48-55-D-d
kênh Bà Bồi	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 16"	105° 26' 25"	09° 29' 03"	105° 27' 23"	C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Bà Bôi-Tà Ốc	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 29' 52"	105° 27' 41"	09° 29' 40"	105° 28' 54"	C-48-67-B-b
kênh Ba Lân	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 32' 06"	105° 28' 09"	09° 32' 51"	105° 29' 46"	C-48-55-D-d
kênh Ba The	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 32' 48"	105° 30' 35"	09° 32' 51"	105° 29' 46"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
kênh Bàu Gừa	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 57"	105° 30' 03"	09° 33' 19"	105° 30' 03"	C-48-56-C-c
kênh Bình Bát	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 31' 45"	105° 28' 28"	09° 31' 47"	105° 29' 36"	C-48-55-D-d
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-55-D-d
Kênh Cùg	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 53"	105° 27' 10"	09° 30' 52"	105° 26' 42"	C-48-55-D-d
Kênh Đào	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 32"	105° 29' 44"	09° 33' 11"	105° 29' 54"	C-48-55-D-d
kênh Đường Cây	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 34' 06"	105° 30' 48"	09° 33' 58"	105° 28' 42"	C-48-56-C-c, C-48-55-D-d
kênh Gộc Lá	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 34' 55"	105° 30' 31"	09° 33' 58"	105° 30' 00"	C-48-56-C-c, C-48-55-D-d
kênh Hoạ Đồ	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 31' 47"	105° 29' 36"	09° 31' 47"	105° 29' 56"	C-48-55-D-d
kênh Lái Viết Vàm	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 04"	105° 30' 32"	09° 33' 55"	105° 30' 49"	C-48-56-C-c
kênh Le Le	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 23"	105° 29' 39"	09° 33' 32"	105° 29' 44"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
kênh Lung Mốt	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 34' 01"	105° 28' 49"	09° 33' 03"	105° 28' 34"	C-48-55-D-d
Kênh Mới	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 23"	105° 28' 24"	09° 33' 58"	105° 28' 42"	C-48-55-D-d
kênh Ngan Trâu	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 06"	105° 28' 27"	09° 34' 00"	105° 28' 34"	C-48-55-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 34' 38"	105° 28' 55"	09° 34' 39"	105° 29' 27"	C-48-55-D-d
kênh Ngọn Cái	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 25"	105° 28' 06"	09° 33' 03"	105° 28' 34"	C-48-55-D-d
Kênh Ranh	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 14"	105° 28' 47"	09° 30' 23"	105° 29' 39"	C-48-55-D-d
kênh Sáu Thước	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 41"	105° 29' 43"	09° 31' 50"	105° 30' 41"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 32' 36"	105° 27' 41"	09° 32' 56"	105° 28' 11"	C-48-55-D-d
kênh Trương Hồ	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 29' 48"	105° 27' 42"	09° 29' 56"	105° 25' 33"	C-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Vĩnh Lộc	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 35"	105° 21' 32"	09° 27' 37"	105° 28' 58"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 2000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 29' 56"	105° 30' 03"	09° 27' 00"	105° 26' 48"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 3000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 21"	105° 29' 34"	09° 27' 22"	105° 26' 25"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 4000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 58"	105° 29' 07"	09° 27' 53"	105° 25' 52"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 5000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 31"	105° 27' 53"	09° 28' 14"	105° 25' 29"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 6000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 31' 50"	105° 28' 20"	09° 28' 43"	105° 25' 11"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 7000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 32' 08"	105° 28' 05"	09° 29' 00"	105° 24' 41"	C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Lộc 8000	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 32' 35"	105° 27' 40"	09° 29' 22"	105° 24' 16"	C-48-55-D-d
kênh Xẻo Rô	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 02"	105° 29' 23"	09° 34' 07"	105° 29' 30"	C-48-55-D-d
kênh Xẻo Tràm	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 01"	105° 29' 08"	09° 34' 06"	105° 28' 52"	C-48-55-D-d
lung Tầm Lôm	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 31' 47"	105° 29' 36"	09° 30' 43"	105° 29' 23"	C-48-55-D-d
rạch Bà Bồi	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 40"	105° 28' 39"	09° 32' 22"	105° 27' 34"	C-48-55-D-d
rạch Bà Hiên	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 49"	105° 27' 20"	09° 32' 48"	105° 27' 29"	C-48-55-D-d
rạch Hàng Bần	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 25"	105° 28' 06"	09° 34' 12"	105° 27' 49"	C-48-55-D-d
rạch Lung Tức	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 41"	105° 26' 09"	09° 30' 52"	105° 26' 42"	C-48-55-D-d
rạch Tà Ben	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 33' 58"	105° 28' 42"	09° 34' 08"	105° 26' 48"	C-48-55-D-d
rạch Tà Óc	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 30' 40"	105° 28' 39"	09° 29' 14"	105° 29' 17"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
sông Cái Tàu	TV	xã Ninh Hoà	H. Hồng Dân			09° 35' 13"	105° 32' 38"	09° 38' 18"	105° 17' 35"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
ấp Lái Viết Ngọn	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 33' 48"	105° 30' 48"					C-48-56-C-c
ấp Lái Viết Vàm	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 35' 03"	105° 30' 36"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Bình	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 32' 23"	105° 31' 14"					C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Ninh Điền	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 33' 57"	105° 31' 45"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Phú	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 35' 26"	105° 32' 13"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Tân	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 32' 48"	105° 30' 14"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Thành	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 32' 01"	105° 31' 54"					C-48-56-C-c
ấp Ngan Kè	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 34' 15"	105° 32' 43"					C-48-56-C-c
ấp Phú Tân	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 34' 33"	105° 31' 39"					C-48-56-C-c
ấp Xóm Tre	DC	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 33' 00"	105° 32' 07"					C-48-56-C-c
chùa Dây Oán	KX	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 34' 16"	105° 31' 43"					C-48-56-C-c
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân	09° 35' 12"	105° 32' 27"					C-48-56-C-c
kênh Ba Đồng	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 54"	105° 31' 56"	09° 31' 51"	105° 31' 06"	C-48-56-C-c
kênh Ba Tháng Hai	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 29' 48"	105° 31' 14"	09° 33' 01"	105° 30' 44"	C-48-56-C-c
kênh Ba The	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 32' 48"	105° 30' 35"	09° 32' 51"	105° 29' 46"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
kênh Cây Me	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 01"	105° 32' 49"	09° 31' 44"	105° 32' 31"	C-48-56-C-c
kênh Cựa Gà	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 34' 14"	105° 32' 54"	09° 33' 31"	105° 32' 57"	C-48-56-C-c
kênh Chủ Hiếu	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 38"	105° 32' 14"	09° 34' 12"	105° 31' 52"	C-48-56-C-c
kênh Dây Oán	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 35' 15"	105° 32' 27"	09° 34' 09"	105° 31' 45"	C-48-56-C-c
kênh Hàng Bần	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 34' 13"	105° 31' 52"	09° 34' 32"	105° 31' 44"	C-48-56-C-c
kênh Lái Viết Ngọn	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 55"	105° 30' 49"	09° 33' 04"	105° 30' 45"	C-48-56-C-c
kênh Lái Viết Vàm	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 35' 04"	105° 30' 32"	09° 33' 55"	105° 30' 49"	C-48-56-C-c
Kênh Làng	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 21"	105° 32' 55"	09° 34' 16"	105° 33' 08"	C-48-56-C-c
kênh Le Le	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 30' 23"	105° 29' 39"	09° 33' 32"	105° 29' 44"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
kênh Le Le	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 51"	105° 31' 06"	09° 31' 54"		C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Lung Phèn	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 39"	105° 31' 57"	09° 33' 36"	105° 32' 33"	C-48-56-C-c
kênh Lung Phèn	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 37"	105° 32' 14"	09° 33' 32"	105° 32' 35"	C-48-56-C-c
Kênh Miếu	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 47"	105° 31' 54"	09° 33' 03"	105° 31' 20"	C-48-56-C-c
Kênh Mới	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 34' 17"	105° 33' 08"	09° 34' 10"	105° 31' 46"	C-48-56-C-c
kênh Ninh Tân	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 48"	105° 30' 21"	09° 33' 04"	105° 30' 45"	C-48-56-C-c
kênh Ngang Kè	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 35' 13"	105° 32' 39"	09° 34' 17"	105° 33' 08"	C-48-56-C-c
kênh Phèn Suông	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 51"	105° 31' 06"	09° 33' 04"	105° 30' 45"	C-48-56-C-c
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-56-C-c
kênh Sáu Hỷ	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 09"	105° 32' 42"	09° 31' 57"	105° 31' 57"	C-48-56-C-c
kênh Sáu Thước	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 41"	105° 29' 43"	09° 31' 50"	105° 30' 41"	C-48-56-C-c
kênh Sóc Sãi	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 02"	105° 32' 05"	09° 32' 59"	105° 33' 06"	C-48-56-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 34' 13"	105° 32' 33"	09° 33' 02"	105° 32' 31"	C-48-56-C-c
kênh Trà Đốt	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 33' 55"	105° 30' 49"	09° 34' 09"	105° 31' 45"	C-48-56-C-c
rạch Bà Âu	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 34' 36"	105° 31' 41"	09° 35' 23"	105° 31' 10"	C-48-56-C-c
rạch Ninh Điền	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 31' 57"	105° 31' 57"	09° 34' 09"	105° 31' 45"	C-48-56-C-c
sông Cái Tàu	TV	xã Ninh Quới	H. Hồng Dân			09° 35' 13"	105° 32' 38"	09° 38' 18"	105° 17' 35"	C-48-56-C-c
ấp Ninh Chài	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 30' 05"	105° 29' 53"					C-48-55-D-d
ấp Ninh Chùa	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 28' 37"	105° 31' 41"					C-48-68-A-a
ấp Ninh Hiệp	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 28' 59"	105° 30' 57"					C-48-68-A-a
ấp Ninh Hoà	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 30' 56"	105° 32' 24"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Lợi	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 29' 52"	105° 31' 16"					C-48-68-A-a
ấp Ninh Phước	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 28' 43"	105° 30' 05"					C-48-68-A-a
ấp Ninh Tiến	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 30' 38"	105° 29' 30"					C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Ninh Thành	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 31' 17"	105° 31' 51"					C-48-56-C-c
ấp Ninh Thạnh	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 29' 07"	105° 30' 38"					C-48-68-A-a
ấp Ninh Thuận	DC	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 29' 41"	105° 32' 34"					C-48-68-A-a
chùa Cao Đài	KX	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 29' 27"	105° 30' 49"					C-48-68-A-a
chùa Hưng Long Tự	KX	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 28' 39"	105° 31' 26"					C-48-68-A-a
chùa Hưng Thiện Tự	KX	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 29' 13"	105° 30' 43"					C-48-68-A-a
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-67-B-b, C-48-55-D-d, C-48-68-A-a
Miếu Bà	KX	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân	09° 30' 24"	105° 29' 41"					C-48-55-D-d
quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-56-C-c, C-48-68-A-a
kênh Ba Đồng	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 54"	105° 31' 56"	09° 31' 51"	105° 31' 06"	C-48-56-C-c
kênh Ba Gió	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 27"	105° 30' 29"	09° 29' 14"	105° 29' 17"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Ba Tháng Hai	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 48"	105° 31' 14"	09° 33' 01"	105° 30' 44"	C-48-56-C-c, C-48-68-A-a
kênh Bảy Quang	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 43"	105° 31' 18"	09° 29' 51"	105° 31' 51"	C-48-68-A-a
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-55-D-d, C-48-68-A-a, C-48-67-B-b, C-48-56-C-c
kênh Cây Xoài	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 51"	105° 31' 06"	09° 30' 54"	105° 31' 36"	C-48-56-C-c
kênh Cô Cai	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 57"	105° 31' 57"	09° 30' 19"	105° 31' 48"	C-48-56-C-c
kênh Cơ Ba	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 47"	105° 31' 49"	09° 30' 29"	105° 30' 05"	C-48-56-C-c
kênh Cơ Nhì	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 24"	105° 31' 04"	09° 30' 51"	105° 31' 32"	C-48-56-C-c
kênh Chệt Xĩa	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 28' 25"	105° 32' 22"	09° 27' 47"	105° 32' 00"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Hoà Đồ	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 47"	105° 29' 36"	09° 31' 47"	105° 29' 56"	C-48-55-D-d
kênh Le Le	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 23"	105° 29' 39"	09° 33' 32"	105° 29' 44"	C-48-55-D-d, C-48-56-C-c
kênh Ba Đồng	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 51"	105° 31' 06"	09° 31' 54"		C-48-56-C-c
kênh Lung Lớn Ninh Thành	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 53"	105° 31' 45"	09° 31' 06"	105° 31' 30"	C-48-56-C-c
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 40"	105° 30' 17"	09° 29' 19"	105° 29' 58"	C-48-68-A-a, C-48-67-B-b
kênh Mười Xộp	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 43"	105° 29' 23"	09° 31' 47"	105° 29' 36"	C-48-55-D-d
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-68-A-a, C-48-67-B-b, C-48-56-C-c
Kênh Ranh	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 14"	105° 28' 47"	09° 30' 23"	105° 29' 39"	C-48-55-D-d
kênh Sáu Hỷ	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 31' 09"	105° 32' 42"	09° 31' 57"	105° 31' 57"	C-48-56-C-c
kênh Sáu Liệt	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 27' 57"	105° 29' 18"	09° 28' 21"	105° 28' 55"	C-48-67-B-b
kênh Sáu Tàu	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 45"	105° 31' 17"	09° 29' 05"	105° 32' 26"	C-48-68-A-a
kênh Tư Tào	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 35"	105° 32' 08"	09° 30' 06"	105° 32' 38"	C-48-56-C-c
kênh Út Bon	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 42"	105° 30' 17"	09° 30' 24"	105° 31' 04"	C-48-56-C-c, C-48-68-A-a
kênh Vĩnh Lộc 1000	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 40"	105° 30' 17"	09° 26' 41"	105° 27' 08"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 2000	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 56"	105° 30' 03"	09° 27' 00"	105° 26' 48"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Vĩnh Lộc 3000	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 30' 21"	105° 29' 34"	09° 27' 22"	105° 26' 25"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Xóm Chùa	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 28' 49"	105° 31' 05"	09° 29' 05"	105° 32' 26"	C-48-68-A-a
kênh Xóm Lá	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 29' 05"	105° 32' 26"	09° 30' 24"	105° 32' 40"	C-48-68-A-a
rạch Mỹ Tây	TV	xã Ninh Quới A	H. Hồng Dân			09° 28' 25"	105° 32' 22"	09° 28' 19"	105° 32' 33"	C-48-68-A-a
ấp Cai Giăng	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 29' 29"	105° 22' 23"					C-48-67-B-a
ấp Cây Cui	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 30' 16"	105° 18' 54"					C-48-55-D-c
ấp Cây Méc	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 29' 04"	105° 23' 36"					C-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Kos Thum	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 28' 55"	105° 21' 50"					C-48-67-B-a
ấp Ninh Thạnh Đông	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 27' 53"	105° 24' 16"					C-48-67-B-b
ấp Ninh Thạnh Tây	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 29' 21"	105° 21' 16"					C-48-67-B-a
ấp Ngô Kim	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 32' 20"	105° 20' 26"					C-48-55-D-c
ấp Xèo Dừng	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 28' 13"	105° 18' 47"					C-48-67-B-a
ấp Xèo Gừa	DC	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 30' 10"	105° 20' 22"					C-48-55-D-c
chùa Bửu Lâm	KX	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 29' 31"	105° 21' 00"					C-48-67-B-a
chùa Kos Thum	KX	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 28' 59"	105° 21' 46"					C-48-67-B-a
Di tích lịch sử Khu căn cứ Tỉnh uỷ Bạc Liêu	KX	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 31' 16"	105° 19' 24"					C-48-55-D-c
Hung Ninh Tự	KX	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân	09° 28' 29"	105° 17' 40"					C-48-67-B-a
kênh 3 tháng 2	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 32' 36"	105° 25' 21"	09° 29' 25"	105° 21' 11"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-b, C-48-55-D-d
kênh Canh Đèn-Phó Sinh	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 38"	105° 17' 29"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-a
kênh Cộng Hoà	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-55-D-d, C-48-67-B-b
kênh Dân Quân	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 27' 53"	105° 18' 13"	09° 29' 24"	105° 21' 04"	C-48-67-B-a
Kênh Đồn	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 29' 27"	105° 20' 02"	09° 29' 59"	105° 19' 30"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 30' 41"	105° 19' 54"	09° 24' 28"	105° 25' 37"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-a, C-48-55-D-c
kênh Ninh Thạnh Lợi 6000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 24' 53"	105° 21' 05"	09° 28' 36"	105° 25' 05"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 7000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 25' 10"	105° 20' 48"	09° 28' 53"	105° 24' 41"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 8000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 25' 26"	105° 20' 33"	09° 29' 20"	105° 24' 18"	C-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Ninh Thạnh Lợi 9000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 25' 50"	105° 20' 10"	09° 29' 44"	105° 23' 53"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 10000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 32"	105° 21' 50"	09° 30' 10"	105° 23' 24"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 11000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 26' 57"	105° 19' 06"	09° 28' 46"	105° 21' 37"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 12000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 27' 23"	105° 18' 41"	09° 29' 02"	105° 21' 22"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 13000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 16"	105° 17' 51"	09° 29' 48"	105° 20' 42"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 14000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 47"	105° 17' 32"	09° 30' 10"	105° 20' 19"	C-48-67-B-a, C-48-55-D-c
Kênh Ranh	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 31' 20"	105° 21' 23"	09° 29' 21"	105° 21' 07"	C-48-55-D-c, C-48-67-B-a
kênh Tập Đoàn	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 06"	105° 23' 03"	09° 27' 25"	105° 22' 51"	C-48-67-B-b
kênh Thầy Cai	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 29' 07"	105° 22' 25"	09° 27' 50"	105° 22' 28"	C-48-67-B-a
kênh Xã Sang	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 31' 16"	105° 21' 30"	09° 29' 13"	105° 22' 30"	C-48-67-B-a
rạch Cai Giăng	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 30' 03"	105° 22' 37"	09° 30' 58"	105° 22' 32"	C-48-55-D-c, C-48-55-D-d
rạch Cây Cui	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 22"	105° 19' 05"	09° 30' 11"	105° 18' 47"	C-48-67-B-a, C-48-55-D-c
rạch Cây Méc	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 28' 53"	105° 24' 48"	09° 29' 13"	105° 22' 30"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-a
sông Cái Chanh Lớn	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 33' 31"	105° 18' 19"	C-48-55-D-c, C-48-55-D-d
sông Cái Chanh Nhỏ	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 30' 07"	105° 21' 15"	09° 31' 43"	105° 19' 43"	C-48-55-D-c
sông Cạnh Đèn	TV	xã Ninh Thạnh Lợi	H. Hồng Dân			09° 27' 12"	105° 17' 25"	09° 32' 26"	105° 19' 29"	C-48-67-B-a, C-48-55-D-c
ấp Chòm Cao	DC	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 28' 47"	105° 19' 58"					C-48-67-B-a
ấp Chủ Chọt	DC	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 25' 06"	105° 20' 48"					C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Nhà Lầu 1	DC	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 26' 13"	105° 19' 45"					C-48-67-B-a
ấp Nhà Lầu 2	DC	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 27' 10"	105° 18' 56"					C-48-67-B-a
ấp Thống Nhất	DC	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 26' 13"	105° 21' 21"					C-48-67-B-a
Di tích lịch sử Sự kiện lịch sử Ninh Thạnh Lợi năm 1927	KX	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 25' 15"	105° 21' 47"					C-48-67-B-a
Phong Lợi Tự	KX	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 27' 59"	105° 17' 26"					C-48-67-B-a
thánh thất Linh Cảnh	KX	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân	09° 27' 48"	105° 18' 14"					C-48-67-B-a
kênh Cảnh Đèn-Phổ Sinh	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 28' 38"	105° 17' 29"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-a
kênh Dân Quân	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 27' 53"	105° 18' 13"	09° 29' 24"	105° 21' 04"	C-48-67-B-a
kênh Đập Xã Tư	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 25' 26"	105° 20' 31"	09° 24' 30"	105° 19' 59"	C-48-67-B-a
kênh Liếp Vườn	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 23' 00"	105° 19' 03"	09° 25' 31"	105° 18' 03"	C-48-67-B-a
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 26' 12"	105° 19' 48"	09° 24' 57"	105° 19' 03"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 30' 41"	105° 19' 54"	09° 24' 28"	105° 25' 37"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 6000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 24' 53"	105° 21' 05"	09° 28' 36"	105° 25' 05"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 7000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 25' 10"	105° 20' 48"	09° 28' 53"	105° 24' 41"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 8000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 25' 26"	105° 20' 33"	09° 29' 20"	105° 24' 18"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 9000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 25' 50"	105° 20' 10"	09° 29' 44"	105° 23' 53"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 10000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 31' 22"	105° 25' 29"	09° 26' 37"	105° 20' 08"	C-48-67-B-a
kênh Ninh Thạnh Lợi 11000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 26' 57"	105° 19' 06"	09° 28' 46"	105° 21' 37"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Ninh Thạnh Lợi 12000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 27' 23"	105° 18' 41"	09° 29' 02"	105° 21' 22"	C-48-67-B-a
Kênh Ngang	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 25' 48"	105° 20' 55"	09° 26' 37"	105° 20' 08"	C-48-67-B-a
kênh Phong Thạnh Nam 6000	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 24' 52"	105° 21' 04"	09° 20' 03"	105° 16' 05"	C-48-67-B-a
kênh Sông Cũ	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 27' 11"	105° 17' 25"	09° 25' 31"	105° 18' 03"	C-48-67-B-a
kênh Tư Muối	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 25' 49"	105° 20' 09"	09° 24' 27"	105° 19' 19"	C-48-67-B-a
rạch Xẻo Dừng	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 27' 53"	105° 18' 11"	09° 27' 38"	105° 17' 23"	C-48-67-B-a
rạch Xẻo Sầm	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 27' 28"	105° 18' 35"	09° 27' 23"	105° 17' 23"	C-48-67-B-a
sông Cạnh Đền	TV	xã Ninh Thạnh Lợi A	H. Hồng Dân			09° 27' 12"	105° 17' 25"	09° 32' 26"	105° 19' 29"	C-48-67-B-a
ấp Cầu Đỏ	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 35' 19"	105° 21' 02"					C-48-55-D-c
ấp Nhụy Cầm	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 31' 54"	105° 23' 21"					C-48-55-D-d
ấp Sơn Trắng	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 35' 24"	105° 24' 55"					C-48-55-D-d
ấp Vĩnh Bình	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 35' 16"	105° 23' 39"					C-48-55-D-d
ấp Vĩnh Hoà	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 34' 46"	105° 22' 11"					C-48-55-D-c
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 32' 15"	105° 21' 34"					C-48-55-D-c
ấp Vĩnh Thành Lập	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 34' 00"	105° 24' 21"					C-48-55-D-d
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-55-D-d
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 35' 34"	105° 24' 57"					C-48-55-D-d
nhà thờ Đất Sét	KX	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 35' 16"	105° 22' 04"					C-48-55-D-c
thánh thất Ngọc Vĩnh Đàn	KX	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân	09° 35' 34"	105° 24' 56"					C-48-55-D-d
kênh Ba Quy	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 31' 40"	105° 23' 13"	09° 35' 10"	105° 24' 27"	C-48-55-D-d
kênh Bần Ôi	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 40"	105° 20' 34"	09° 34' 23"	105° 18' 41"	C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-55-D-d
kênh Cựa Gà	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 40"	105° 20' 33"	09° 35' 08"	105° 20' 51"	C-48-55-D-c
kênh Chín Cò	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 31' 37"	105° 23' 02"	09° 34' 36"	105° 22' 29"	C-48-55-D-d, C-48-55-D-c
kênh Đập Đá	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 07"	105° 26' 17"	09° 33' 31"	105° 24' 11"	C-48-55-D-d
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 33' 42"	105° 19' 08"	09° 35' 37"	105° 21' 21"	C-48-55-D-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 11"	105° 20' 56"	09° 32' 18"	105° 21' 32"	C-48-55-D-c
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 32' 18"	105° 21' 32"	09° 32' 17"	105° 23' 00"	C-48-55-D-c
kênh Tám Ngọc	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 46"	105° 21' 42"	09° 34' 02"	105° 21' 44"	C-48-55-D-c
kênh Tây Ký	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 56"	105° 22' 09"	09° 31' 10"	105° 22' 09"	C-48-55-D-c
kênh Tư Bời	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 02"	105° 22' 44"	09° 32' 52"	105° 22' 44"	C-48-55-D-d
kênh Thầy Cai	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 46"	105° 22' 09"	09° 34' 46"	105° 21' 03"	C-48-55-D-c
kênh Vĩnh Lộc	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 35"	105° 21' 32"	09° 27' 37"	105° 28' 58"	C-48-55-D-c, C-48-55-D-d
kênh Vĩnh Ninh	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 19"	105° 22' 44"	09° 34' 03"	105° 21' 15"	C-48-55-D-c
rạch Bà Ai	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 31' 05"	105° 22' 27"	09° 33' 16"	105° 26' 25"	C-48-55-D-d, C-48-55-D-c
rạch Đường Cột	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 36"	105° 22' 52"	09° 35' 14"	105° 22' 59"	C-48-55-D-d
rạch Sơn Trắng	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 34' 36"	105° 23' 31"	09° 35' 19"	105° 23' 34"	C-48-55-D-d
rạch Trèm Trèm	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 12"	105° 25' 18"	09° 35' 33"	105° 24' 59"	C-48-55-D-d
rạch Xẻo Mây	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 32' 40"	105° 24' 16"	09° 32' 11"	105° 24' 01"	C-48-55-D-d
sông Cái Chanh Lớn	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 33' 31"	105° 18' 19"	C-48-55-D-d, C-48-55-D-c
sông Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Lộc	H. Hồng Dân			09° 35' 13"	105° 32' 38"	09° 38' 18"	105° 17' 35"	C-48-55-D-d, C-48-55-D-c
ấp Ba Đình	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 38' 12"	105° 17' 28"					C-48-55-D-a
ấp Bàn Ói	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 35' 58"	105° 20' 12"					C-48-55-D-c
ấp Bến Bào	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 35' 58"	105° 19' 26"					C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Bình Lộc	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 36' 10"	105° 17' 09"					C-48-55-D-c
ấp Lộ Xe	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 33' 24"	105° 19' 23"					C-48-55-D-c
ấp Lộ Xe A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 34' 44"	105° 20' 16"					C-48-55-D-c
cầu Bến Luông	KX	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 33' 41"	105° 19' 08"					C-48-55-D-c
nhà thờ Bến Bàu	KX	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân	09° 36' 19"	105° 19' 00"					C-48-55-D-c
Kênh Ba	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 32' 36"	105° 20' 21"	09° 34' 47"	105° 20' 17"	C-48-55-D-c
kênh Ba Sám	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 34' 57"	105° 20' 33"	09° 33' 07"	105° 20' 38"	C-48-55-D-c
kênh Ba Tấn	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 34' 24"	105° 19' 38"	09° 35' 30"	105° 18' 53"	C-48-55-D-c
kênh Bà Từ	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 55"	105° 18' 11"	09° 36' 27"	105° 18' 35"	C-48-55-D-c
kênh Bần Ổi	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 40"	105° 20' 34"	09° 34' 23"	105° 18' 41"	C-48-55-D-c
kênh Bảy Non	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 32' 11"	105° 20' 54"	09° 32' 18"	105° 21' 32"	C-48-55-D-d
kênh Bến Bào	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 36' 19"	105° 19' 03"	09° 35' 27"	105° 18' 37"	C-48-55-D-c
kênh Cây Khô	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 36' 02"	105° 19' 30"	09° 35' 38"	105° 19' 06"	C-48-55-D-c
kênh Cựa Gà	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 40"	105° 20' 33"	09° 35' 08"	105° 20' 51"	C-48-55-D-c
Kênh Chuối	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 34' 15"	105° 19' 24"	09° 35' 27"	105° 18' 37"	C-48-55-D-c
kênh Hai Phát	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 06"	105° 20' 47"	09° 33' 32"	105° 20' 46"	C-48-55-D-c
kênh Hóc Quả	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 32' 18"	105° 20' 42"	09° 33' 35"	105° 20' 57"	C-48-55-D-c
Kênh Lô	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 36' 50"	105° 18' 13"	09° 34' 59"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 33' 42"	105° 19' 08"	09° 35' 37"	105° 21' 21"	C-48-55-D-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 11"	105° 20' 56"	09° 32' 18"	105° 21' 32"	C-48-55-D-c
kênh Sáu Hiệp	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 32' 42"	105° 20' 08"	09° 34' 38"	105° 20' 01"	C-48-55-D-c
kênh Số 7	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 36' 18"	105° 19' 58"	09° 35' 36"	105° 20' 29"	C-48-55-D-c
kênh Số 8	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 36' 05"	105° 19' 45"	09° 35' 27"	105° 20' 15"	C-48-55-D-c
kênh Số 9	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 34' 50"	105° 20' 21"	09° 35' 59"	105° 19' 39"	C-48-55-D-c
kênh Số 10	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 53"	105° 19' 16"	09° 34' 41"	105° 20' 07"	C-48-55-D-c
kênh Số 11	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 34' 33"	105° 19' 53"	09° 34' 55"	105° 19' 37"	C-48-55-D-c
kênh Tư Thôn	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 34' 18"	105° 19' 28"	09° 33' 34"	105° 19' 30"	C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Cái Chanh Lớn	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 33' 31"	105° 18' 19"	C-48-55-D-c
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 33' 31"	105° 18' 19"	09° 38' 18"	105° 17' 35"	C-48-55-D-a, C-48-55-D-c
sông Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Hồng Dân			09° 35' 13"	105° 32' 38"	09° 38' 18"	105° 17' 35"	C-48-55-D-c, C-48-55-D-a
ấp Hành Chính	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 27' 04"	105° 27' 48"					C-48-67-B-b
ấp Long Đức	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 23"	105° 28' 01"					C-48-67-B-b
ấp Long Hải	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 34"	105° 27' 07"					C-48-67-B-b
ấp Long Hậu	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 30"	105° 27' 37"					C-48-67-B-b
ấp Long Hoà	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 03"	105° 27' 17"					C-48-67-B-b
ấp Long Thành	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 11"	105° 27' 31"					C-48-67-B-b
ấp Nội Ô	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 19"	105° 27' 41"					C-48-67-B-b
ấp Phước Hoà A	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 29' 03"	105° 26' 02"					C-48-67-B-b
ấp Phước Hoà Tiền	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 27' 28"	105° 28' 44"					C-48-67-B-b
ấp Phước Thuận 1	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 36"	105° 27' 59"					C-48-67-B-b
ấp Phước Thuận A	DC	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 29' 10"	105° 26' 56"					C-48-67-B-b
cầu 30 tháng 4	KX	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 19"	105° 27' 31"					C-48-67-B-b
Cầu 3000	KX	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 24' 48"	105° 28' 34"					C-48-67-B-b
cầu Xã Tá	KX	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 24' 36"	105° 28' 43"					C-48-67-B-b
chùa Phước Huệ	KX	TT. Phước Long	H. Phước Long	09° 26' 31"	105° 27' 51"					C-48-67-B-b
đường tỉnh Vĩnh Mỹ-Phước Long (ĐT.979)	KX	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 16' 17"	105° 35' 16"	09° 26' 15"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b
quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-B-b
kênh Bà Bôi	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 33' 16"	105° 26' 25"	09° 29' 03"	105° 27' 23"	C-48-67-B-b
kênh Bà Đàm	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 26' 35"	105° 27' 54"	09° 25' 32"	105° 30' 14"	C-48-67-B-b
kênh Bảy Chục	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 26' 27"	105° 26' 54"	09° 26' 44"	105° 26' 22"	C-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Cộng Hoà	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b
kênh Chợt Êm	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 25' 48"	105° 28' 49"	09° 24' 56"	105° 28' 38"	C-48-67-B-b
kênh Địa Châm	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 15"	105° 29' 03"	09° 25' 51"	105° 29' 23"	C-48-67-B-b
kênh Hoà Bình 2	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 27' 11"	105° 29' 20"	09° 26' 14"	105° 28' 19"	C-48-67-B-b
kênh Hoà Bình 4	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 25' 10"	105° 28' 19"	09° 26' 19"	105° 30' 03"	C-48-67-B-b
kênh Miếu Bà	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 29' 18"	105° 26' 02"	09° 26' 53"	105° 26' 10"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 1000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 22' 49"	105° 23' 02"	09° 26' 41"	105° 27' 08"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 2000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 23' 19"	105° 22' 34"	09° 27' 04"	105° 26' 43"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 3000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 23' 41"	105° 22' 12"	09° 27' 27"	105° 26' 18"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 4000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 06"	105° 21' 49"	09° 27' 51"	105° 25' 53"	C-48-67-B-b
Kênh Ngang	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 29' 25"	105° 25' 25"	09° 29' 03"	105° 27' 23"	C-48-67-B-b
Kênh Nhỏ	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 40"	105° 28' 43"	09° 24' 21"	105° 30' 22"	C-48-67-B-b
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-B-b
kênh Sáu Liệt	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 27' 57"	105° 29' 18"	09° 28' 21"	105° 28' 55"	C-48-67-B-b
kênh Sáu Tre	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 26' 08"	105° 27' 43"	09° 27' 10"	105° 28' 43"	C-48-67-B-b
kênh Tài Chính	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 26' 29"	105° 27' 45"	09° 29' 03"	105° 27' 23"	C-48-67-B-b
kênh Tư Nữ	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 26' 02"	105° 27' 46"	09° 24' 35"	105° 27' 39"	C-48-67-B-b
kênh Thầy Thép	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 27' 17"	105° 28' 39"	09° 26' 36"	105° 31' 31"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 35' 35"	105° 21' 32"	09° 27' 37"	105° 28' 58"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 1000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 29' 40"	105° 30' 17"	09° 26' 41"	105° 27' 08"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 2000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 29' 56"	105° 30' 03"	09° 27' 00"	105° 26' 48"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 3000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 30' 21"	105° 29' 34"	09° 27' 22"	105° 26' 25"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 4000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 30' 58"	105° 29' 07"	09° 27' 53"	105° 25' 52"	C-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Vĩnh Lộc 5000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 30' 31"	105° 27' 53"	09° 28' 14"	105° 25' 29"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Lộc 6000	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 31' 50"	105° 28' 20"	09° 28' 43"	105° 25' 11"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Mỹ-Phước Long	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 16' 17"	105° 35' 17"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 1	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 00"	105° 25' 57"	09° 25' 42"	105° 27' 46"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 3	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 25' 10"	105° 28' 18"	09° 23' 23"	105° 26' 21"	C-48-67-B-b
kênh Xã Tá	TV	TT. Phước Long	H. Phước Long			09° 21' 26"	105° 27' 40"	09° 21' 33"	105° 27' 48"	C-48-67-B-b
ấp Mỹ Hoà	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 25' 41"	105° 33' 50"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Phú Đông	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 23' 36"	105° 32' 39"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Phú Tây	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 21' 38"	105° 32' 29"					C-48-68-A-c
ấp Mỹ Tường 1	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 26' 38"	105° 32' 57"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường 2	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 24' 48"	105° 32' 35"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Trinh	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 24' 46"	105° 33' 51"					C-48-68-A-a
ấp Tường 2	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 21' 37"	105° 31' 14"					C-48-68-A-c
ấp Tường Tư	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 22' 49"	105° 31' 27"					C-48-68-A-a
ấp Vĩnh Tường	DC	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 23' 23"	105° 31' 29"					C-48-68-A-a
đường tỉnh 937B	KX	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 26' 37"	105° 33' 02"	09° 26' 36"	105° 33' 01"	C-48-68-A-a
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978,	KX	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-68-A-a
Miếu Bà	KX	xã Hưng Phú	H. Phước Long	09° 26' 30"	105° 33' 07"					C-48-68-A-a
kênh Ba Miếu	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 23' 29"	105° 33' 04"	09° 24' 25"	105° 33' 17"	C-48-68-A-a
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-a
kênh Cô Sáu Khoê	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 23' 24"	105° 35' 55"	09° 23' 43"	105° 32' 12"	C-48-68-A-a
Kênh Cùg	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 22' 03"	105° 32' 35"	09° 22' 10"	105° 31' 55"	C-48-68-A-c
kênh Chòm Tre	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 23' 39"	105° 31' 34"	09° 24' 21"	105° 29' 09"	C-48-68-A-a
kênh Hào Cáo	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 26' 58"	105° 32' 42"	09° 23' 09"	105° 31' 29"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Hào Xén	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 21' 06"	105° 31' 31"	09° 23' 27"	105° 33' 03"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 27' 37"	105° 28' 58"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 5	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 27' 11"	105° 32' 30"	09° 25' 36"	105° 30' 39"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 7	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 26' 28"	105° 33' 09"	09° 24' 56"	105° 31' 11"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 9	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 25' 47"	105° 33' 47"	09° 24' 09"	105° 31' 50"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 10	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 22' 44"	105° 30' 15"	09° 24' 08"	105° 31' 50"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 11	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 23' 08"	105° 32' 41"	09° 24' 25"	105° 34' 07"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 12	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 21' 37"	105° 31' 07"	09° 22' 54"	105° 32' 51"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
Kênh Làng	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 26' 26"	105° 33' 12"	09° 23' 43"	105° 32' 14"	C-48-68-A-a
kênh Lung Khi	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 22' 38"	105° 31' 36"	09° 22' 15"	105° 32' 40"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Lung Nhỏ	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 25' 52"	105° 31' 27"	09° 25' 33"	105° 32' 49"	C-48-68-A-a
kênh Mỹ Trinh	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 23' 23"	105° 34' 27"	09° 24' 50"	105° 33' 50"	C-48-68-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 26' 12"	105° 32' 04"	09° 26' 42"	105° 32' 03"	C-48-68-A-a
kênh Tân An	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 22' 38"	105° 31' 25"	09° 23' 01"	105° 30' 20"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Tây Mập	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 21' 32"	105° 31' 11"	09° 25' 46"	105° 31' 25"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Tư Đen	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 24' 32"	105° 33' 51"	09° 24' 40"	105° 32' 31"	C-48-68-A-a
kênh Tư Hùng	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 24' 36"	105° 31' 35"	09° 24' 28"	105° 32' 22"	C-48-68-A-a
kênh Vàm Tháp	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 25' 16"	105° 34' 14"	09° 25' 25"	105° 33' 21"	C-48-68-A-a
kênh Vĩnh Mỹ-Phước Long	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 16' 17"	105° 35' 17"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Xóm Chài	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 22' 52"	105° 30' 09"	09° 24' 26"	105° 30' 30"	C-48-68-A-a
lũng Tàu Kê	TV	xã Hưng Phú	H. Phước Long			09° 25' 40"	105° 32' 52"	09° 26' 09"	105° 31' 44"	C-48-68-A-a
ấp 1A	DC	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 21' 30"	105° 22' 24"					C-48-67-B-c
ấp 1B	DC	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 20' 57"	105° 21' 58"					C-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp 2B	DC	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 20' 20"	105° 21' 08"					C-48-67-B-c
Ấp 3	DC	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 19' 52"	105° 20' 49"					C-48-67-B-c
ấp 8A	DC	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 21' 49"	105° 20' 04"					C-48-67-B-c
ấp 8B	DC	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 22' 20"	105° 19' 05"					C-48-67-B-c
đền thờ Trần Quang Diệu	KX	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long	09° 20' 23"	105° 21' 15"					C-48-67-B-c
quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Cô Chính	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 21' 47"	105° 22' 45"	09° 22' 48"	105° 20' 37"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Khạo Gạng	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 19' 59"	105° 20' 52"	09° 20' 33"	105° 18' 22"	C-48-67-B-c
kênh Lầu Quốc Gia	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 20' 17"	105° 21' 13"	09° 19' 19"	105° 22' 23"	C-48-67-B-c
kênh Phó Sinh-Chủ Chí 7	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 17' 25"	105° 20' 09"	09° 20' 58"	105° 24' 06"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Phó Sinh-Chủ Chí 8	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 17' 53"	105° 19' 30"	09° 21' 51"	105° 23' 42"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Phong Thạnh Nam 1000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 22' 49"	105° 23' 02"	09° 18' 34"	105° 18' 33"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 2000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 23' 18"	105° 22' 34"	09° 18' 49"	105° 18' 07"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 3000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 23' 41"	105° 22' 12"	09° 19' 06"	105° 17' 39"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 4000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 24' 00"	105° 21' 53"	09° 19' 22"	105° 17' 14"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 5000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 24' 27"	105° 21' 28"	09° 19' 42"	105° 16' 40"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 6000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 24' 52"	105° 21' 04"	09° 20' 03"	105° 16' 05"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 7000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 22' 57"	105° 18' 11"	09° 20' 21"	105° 15' 37"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Phong Thạnh Nam 8000	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 23' 16"	105° 17' 41"	09° 20' 38"	105° 15' 09"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Tây	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 20' 20"	105° 21' 14"	09° 23' 21"	105° 17' 35"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c
kênh Quán Lộ-Giá Rai	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 14' 17"	105° 27' 21"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-d
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Phong Thạnh Tây A	H. Phước Long			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
ấp 2A	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 19' 55"	105° 20' 44"					C-48-67-B-c
Ấp 4	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 18' 12"	105° 18' 54"					C-48-67-B-c
Ấp 9	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 18' 51"	105° 18' 00"					C-48-67-B-c
Ấp 12	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 18' 37"	105° 19' 30"					C-48-67-B-c
ấp 9A	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 19' 54"	105° 16' 15"					C-48-67-B-c
ấp 9B	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 18' 56"	105° 18' 00"					C-48-67-B-c
ấp 9C	DC	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 20' 00"	105° 16' 14"					C-48-67-B-c
quốc lộ Quán Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-B-c
kênh 6000 Cựa Gà	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 20' 05"	105° 14' 50"	09° 19' 03"	105° 15' 16"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
kênh Ba Gùm	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 19' 38"	105° 20' 29"	09° 19' 47"	105° 19' 50"	C-48-67-B-c
kênh Ba Quy	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 19' 01"	105° 19' 51"	09° 18' 30"	105° 20' 09"	C-48-67-B-c
kênh Chùm Tre	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 21' 08"	105° 15' 38"	09° 21' 48"	105° 16' 38"	C-48-67-B-c
kênh Hộ Phòng-Chợ Hội	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 15' 35"	105° 22' 27"	09° 20' 39"	105° 15' 05"	C-48-67-B-c
kênh Huyện Đội-Công An	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 17' 33"	105° 18' 16"	09° 18' 22"	105° 16' 05"	C-48-67-B-c
kênh Ký Hoà	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 19' 17"	105° 20' 10"	09° 18' 12"	105° 21' 15"	C-48-67-B-c
kênh Khạo Gạng	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 19' 59"	105° 20' 52"	09° 20' 33"	105° 18' 22"	C-48-67-B-c
kênh Nhà Thờ	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 16' 51"	105° 17' 31"	09° 17' 47"	105° 16' 40"	C-48-67-B-c
kênh Phó Sinh-Chủ Chí 8	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 17' 53"	105° 19' 30"	09° 19' 40"	105° 21' 27"	C-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Phong Thạnh Nam 1000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 22' 49"	105° 23' 02"	09° 18' 34"	105° 18' 33"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 2000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 23' 18"	105° 22' 34"	09° 18' 49"	105° 18' 07"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 3000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 23' 41"	105° 22' 12"	09° 19' 06"	105° 17' 39"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 4000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 24' 00"	105° 21' 53"	09° 19' 22"	105° 17' 14"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 5000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 24' 27"	105° 21' 28"	09° 19' 42"	105° 16' 40"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 6000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 24' 52"	105° 21' 04"	09° 20' 03"	105° 16' 05"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 7000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 22' 57"	105° 18' 11"	09° 20' 21"	105° 15' 37"	C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 8000	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 23' 16"	105° 17' 41"	09° 20' 38"	105° 15' 09"	C-48-67-B-c
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-B-c
lưng Cây Bàng	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long			09° 19' 29"	105° 14' 53"	09° 20' 39"	105° 15' 05"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
ngã tư Chủ Chí	TV	xã Phong Thạnh Tây B	H. Phước Long	09° 18' 15"	105° 19' 02"					C-48-67-B-c
ấp Phước Hậu	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 25' 53"	105° 24' 19"					C-48-67-B-b
ấp Phước Ninh	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 24' 21"	105° 21' 30"					C-48-67-B-a
ấp Phước Tân	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 22' 09"	105° 23' 07"					C-48-67-B-d
ấp Phước Thành	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 22' 47"	105° 23' 08"					C-48-67-B-b
ấp Phước Thạnh	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 24' 50"	105° 25' 55"					C-48-67-B-b
ấp Phước Thọ	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 23' 33"	105° 24' 31"					C-48-67-B-b
ấp Phước Thọ Hậu	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 27' 50"	105° 24' 57"					C-48-67-B-b
ấp Phước Thọ Tiền	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 23' 56"	105° 24' 57"					C-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Trường	DC	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 24' 40"	105° 21' 20"					C-48-67-B-a
cầu Xã Thoàn	KX	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 24' 29"	105° 25' 36"					C-48-67-B-b
kênh Cạnh Đèn-Phó Sinh	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 28' 38"	105° 17' 29"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-b
kênh Cô Chính	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 21' 47"	105° 22' 45"	09° 22' 48"	105° 20' 37"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Cộng Hoà	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 30' 59"	105° 22' 32"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b
kênh Hội Đồng Miên	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 25' 25"	105° 26' 37"	09° 25' 49"	105° 26' 13"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 30' 41"	105° 19' 54"	09° 24' 28"	105° 25' 37"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 1000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 22' 49"	105° 23' 02"	09° 26' 41"	105° 27' 08"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 2000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 23' 19"	105° 22' 34"	09° 27' 04"	105° 26' 43"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 3000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 23' 41"	105° 22' 12"	09° 27' 27"	105° 26' 18"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 4000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 06"	105° 21' 49"	09° 27' 51"	105° 25' 53"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 5000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 29"	105° 21' 28"	09° 28' 13"	105° 25' 30"	C-48-67-B-b
kênh Ninh Thạnh Lợi 6000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 53"	105° 21' 05"	09° 28' 36"	105° 25' 05"	C-48-67-B-b
kênh Phong Thạnh Nam 1000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 22' 49"	105° 23' 02"	09° 18' 34"	105° 18' 33"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-c, C-48-67-B-d
kênh Phong Thạnh Nam 2000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 23' 18"	105° 22' 34"	09° 18' 49"	105° 18' 07"	C-48-67-B-a, C-48-67-B-b, C-48-67-B-c
kênh Phong Thạnh Nam 3000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 23' 41"	105° 22' 12"	09° 19' 06"	105° 17' 39"	C-48-67-B-a
kênh Phong Thạnh Nam 4000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 00"	105° 21' 53"	09° 19' 22"	105° 17' 14"	C-48-67-B-a
kênh Phong Thạnh Nam 5000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 27"	105° 21' 28"	09° 19' 42"	105° 16' 40"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Phong Thạnh Nam 6000	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 24' 52"	105° 21' 04"	09° 20' 03"	105° 16' 05"	C-48-67-B-a
kênh Phước Thọ Hậu	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 28' 33"	105° 25' 08"	09° 26' 01"	105° 24' 47"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Phước Long	H. Phước Long			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
ngã tư Phó Sinh	TV	xã Phước Long	H. Phước Long	09° 22' 24"	105° 23' 26"					C-48-67-B-d
ấp Huê 3	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 24' 39"	105° 29' 30"					C-48-67-B-b
ấp Mỹ 1	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 28' 21"	105° 29' 50"					C-48-67-B-b
ấp Mỹ 2	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 26' 50"	105° 29' 53"					C-48-67-B-b
ấp Mỹ 2A	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 26' 47"	105° 29' 26"					C-48-67-B-b
ấp Mỹ Tân	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 26' 44"	105° 30' 44"					C-48-68-A-a
ấp Phước 3A	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 25' 30"	105° 30' 09"					C-48-68-A-a
ấp Phước 3B	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 25' 16"	105° 31' 28"					C-48-68-A-a
ấp Tường 1	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 24' 40"	105° 30' 46"					C-48-68-A-a
ấp Vĩnh Lộc	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 27' 38"	105° 31' 14"					C-48-68-A-a
ấp Vĩnh Phú A	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 28' 52"	105° 30' 45"					C-48-68-A-a
ấp Vĩnh Phú B	DC	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 27' 00"	105° 31' 46"					C-48-68-A-a
chùa Địa Muồng	KX	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 27' 52"	105° 30' 53"					C-48-68-A-a
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-68-A-d
Miếu Bà	KX	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 27' 32"	105° 28' 55"					C-48-67-B-b
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 29' 02"	105° 30' 30"					C-48-68-A-a
miếu Ông Tà	KX	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long	09° 27' 10"	105° 31' 47"					C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Bà Đàm	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 26' 35"	105° 27' 54"	09° 25' 32"	105° 30' 14"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Bào Cá Bông	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 24' 36"	105° 31' 33"	09° 24' 45"	105° 30' 56"	C-48-68-A-a
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-a
kênh Chòm Tre	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 23' 39"	105° 31' 34"	09° 24' 21"	105° 29' 09"	C-48-68-A-a, C-48-67-B-b
kênh Chủ Ngô	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 27' 44"	105° 31' 58"	09° 26' 49"	105° 32' 04"	C-48-68-A-a
kênh Địa Châm	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 24' 15"	105° 29' 03"	09° 25' 51"	105° 29' 23"	C-48-67-B-b
kênh Địa Muồng	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 28' 27"	105° 29' 53"	09° 27' 44"	105° 31' 58"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 27' 37"	105° 28' 58"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 3	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 28' 02"	105° 31' 45"	09° 26' 27"	105° 29' 57"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 4	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 25' 10"	105° 28' 19"	09° 26' 19"	105° 30' 03"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 5	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 27' 11"	105° 32' 30"	09° 25' 36"	105° 30' 39"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 6	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 24' 15"	105° 29' 03"	09° 25' 35"	105° 30' 39"	C-48-68-A-a, C-48-67-B-b
kênh Hoà Bình 7	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 26' 28"	105° 33' 09"	09° 24' 56"	105° 31' 11"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 8	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 23' 42"	105° 29' 28"	09° 24' 56"	105° 31' 11"	C-48-68-A-a, C-48-67-B-b
kênh Hoà Bình 9	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 25' 47"	105° 33' 47"	09° 24' 09"	105° 31' 50"	C-48-68-A-a
kênh Hoa Rô	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 25' 32"	105° 30' 14"	09° 25' 29"	105° 31' 27"	C-48-68-A-a
kênh Lúng Bào	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 25' 32"	105° 30' 14"	09° 25' 10"	105° 30' 53"	C-48-68-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 25' 29"	105° 31' 28"	09° 25' 25"	105° 32' 20"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Lung Nhỏ	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 25' 47"	105° 31' 25"	09° 25' 25"	105° 32' 20"	C-48-68-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 23' 09"	105° 31' 29"	09° 23' 27"	105° 30' 22"	C-48-68-A-a
Kênh Nhỏ	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 24' 40"	105° 28' 43"	09° 24' 21"	105° 30' 22"	C-48-67-B-b
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Tây Mập	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 21' 32"	105° 31' 11"	09° 25' 46"	105° 31' 25"	C-48-68-A-a
kênh Tư Hùng	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 24' 36"	105° 31' 35"	09° 24' 28"	105° 32' 22"	C-48-68-A-a
kênh Thầy Thép	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 27' 17"	105° 28' 39"	09° 26' 36"	105° 31' 31"	C-48-68-A-a
kênh Vĩnh Mỹ-Phước Long	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 16' 17"	105° 35' 17"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a
kênh Xóm Chài	TV	xã Vĩnh Phú Đông	H. Phước Long			09° 22' 52"	105° 30' 09"	09° 24' 26"	105° 30' 30"	C-48-68-A-a
ấp Bình Bảo	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 23' 44"	105° 28' 16"					C-48-67-B-b
ấp Bình Hồ	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 21' 29"	105° 23' 55"					C-48-67-B-d
ấp Bình Hồ A	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 22' 19"	105° 23' 25"					C-48-67-B-d
ấp Bình Lễ	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 22' 53"	105° 26' 24"					C-48-67-B-b
ấp Bình Tốt	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 22' 25"	105° 25' 47"					C-48-67-B-d
ấp Bình Tốt A	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 23' 12"	105° 25' 23"					C-48-67-B-b
ấp Bình Tốt B	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 22' 24"	105° 27' 54"					C-48-67-B-d
ấp Bình Thạnh	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 22' 52"	105° 24' 01"					C-48-67-B-b
ấp Bình Thạnh A	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 23' 24"	105° 24' 36"					C-48-67-B-b
ấp Huê 1	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 23' 09"	105° 28' 07"					C-48-67-B-b
ấp Phước 2	DC	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 24' 40"	105° 25' 55"					C-48-67-B-b
chùa Kos Đôn	KX	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 23' 19"	105° 27' 50"					C-48-67-B-b
quốc lộ Quán Lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 31' 07"	105° 32' 53"	09° 13' 12"	105° 13' 51"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Chủ Đồng	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 21' 26"	105° 27' 39"	09° 20' 36"	105° 27' 41"	C-48-67-B-d
kênh Phó Sinh-Chủ Chí 8	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 17' 53"	105° 19' 30"	09° 21' 51"	105° 23' 42"	C-48-67-B-d
kênh Quản Lộ-Giá Rai	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 14' 17"	105° 27' 21"	09° 22' 24"	105° 23' 26"	C-48-67-B-d
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 13' 31"	105° 13' 52"	09° 31' 19"	105° 32' 55"	C-48-67-B-b
kênh Ranh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 20' 43"	105° 26' 48"	09° 19' 47"	105° 30' 50"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c
kênh Ranh Hạt	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 21' 13"	105° 24' 01"	09° 20' 43"	105° 26' 48"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 24' 28"	105° 25' 37"	09° 15' 39"	105° 32' 48"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 1	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 24' 00"	105° 25' 57"	09° 25' 42"	105° 27' 46"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 2	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 23' 23"	105° 26' 20"	09° 21' 13"	105° 24' 02"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 3	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 25' 10"	105° 28' 18"	09° 23' 23"	105° 26' 21"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 4	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 20' 53"	105° 25' 04"	09° 22' 33"	105° 26' 54"	C-48-67-B-d, C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 5	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 22' 33"	105° 26' 55"	09° 23' 51"	105° 28' 20"	C-48-67-B-b
kênh Vĩnh Phong 6	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 19' 36"	105° 24' 48"	09° 21' 16"	105° 27' 45"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 1000	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 23' 47"	105° 24' 55"	09° 21' 51"	105° 23' 42"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
kênh Vườn Cò	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 23' 14"	105° 24' 20"	09° 22' 41"	105° 25' 18"	C-48-67-B-b
kênh Xã Tá	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 21' 26"	105° 27' 40"	09° 21' 33"	105° 27' 48"	C-48-67-B-b
kênh Xã Toàn	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 24' 22"	105° 25' 32"	09° 20' 55"	105° 25' 07"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
ngã tư Láng Sáu Phên	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 20' 36"	105° 27' 41"					C-48-67-B-d
ngã tư Phó Sinh	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long	09° 22' 24"	105° 23' 26"					C-48-67-B-d
rạch Bình Tốt	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 22' 38"	105° 25' 20"	09° 21' 18"	105° 27' 32"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Chùa Kos Đôn	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 24' 14"	105° 25' 33"	09° 23' 15"	105° 28' 11"	C-48-67-B-b
rạch Nhà Dài	TV	xã Vĩnh Phú Tây	H. Phước Long			09° 21' 27"	105° 26' 36"	09° 23' 19"	105° 26' 23"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
Ấp 10	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 20' 14"	105° 30' 02"					C-48-68-A-c
ấp Bình Thiện	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 21' 56"	105° 28' 23"					C-48-67-B-d
ấp Huê 1	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 23' 11"	105° 28' 12"					C-48-67-B-b
ấp Huê 2	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 23' 36"	105° 29' 28"					C-48-67-B-b
ấp Huê 2A	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 21' 35"	105° 30' 40"					C-48-68-A-c
ấp Huê 2B	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 23' 01"	105° 28' 43"					C-48-67-B-b
ấp Tường 3A	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 21' 39"	105° 29' 15"					C-48-67-B-d
ấp Tường 3B	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 20' 13"	105° 29' 25"					C-48-67-B-d
ấp Tường Thắng A	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 20' 14"	105° 30' 58"					C-48-68-A-c
ấp Tường Thắng B	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 21' 21"	105° 31' 06"					C-48-68-A-c
ấp Vĩnh Bình A	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 23' 12"	105° 29' 36"					C-48-67-B-b
ấp Vĩnh Bình B	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 22' 10"	105° 29' 21"					C-48-67-B-d
ấp Vĩnh Đông	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 22' 23"	105° 30' 27"					C-48-68-A-c
ấp Vĩnh Hoà	DC	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 21' 54"	105° 30' 48"					C-48-68-A-c
cầu Sắt 8000	KX	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 22' 32"	105° 30' 21"					C-48-68-A-a
cầu Trường Toà	KX	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 21' 30"	105° 31' 10"					C-48-68-A-c
cầu Xã Tá	KX	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 24' 36"	105° 28' 43"					C-48-67-B-b
cổng Hai Tiệm	KX	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 22' 15"	105° 30' 35"					C-48-68-A-c
đường tỉnh Vĩnh Mỹ-Phước Long (ĐT.979)	KX	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 16' 17"	105° 35' 16"	09° 26' 15"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
Kênh 500	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 20' 45"	105° 30' 59"	09° 20' 47"	105° 30' 28"	C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Cây Nhâm	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 24' 13"	105° 29' 02"	09° 21' 46"	105° 28' 56"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
Kênh Cùg	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 50"	105° 29' 38"	09° 21' 41"	105° 28' 37"	C-48-67-B-d
kênh Cựa Gà	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 33"	105° 27' 48"	09° 21' 41"	105° 28' 37"	C-48-67-B-d
kênh Chủ Đổng	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 26"	105° 27' 39"	09° 20' 36"	105° 27' 41"	C-48-67-B-d
kênh Chủ Xiệp	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 20' 50"	105° 29' 11"	09° 20' 13"	105° 29' 21"	C-48-67-B-d
kênh Hai Tiệm-Chủ Xiệp	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 29"	105° 31' 10"	09° 21' 57"	105° 29' 19"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c
kênh Miếu Cây Nhâm	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 23' 09"	105° 28' 46"	09° 23' 15"	105° 28' 11"	C-48-67-B-b
kênh Mười Bầu	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 19' 08"	105° 30' 18"	09° 20' 46"	105° 30' 28"	C-48-68-A-c
kênh Ranh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 20' 43"	105° 26' 48"	09° 19' 47"	105° 30' 50"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c
kênh Tiệm May	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 20' 34"	105° 28' 19"	09° 22' 30"	105° 28' 33"	C-48-67-B-d
kênh Tư Quán	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 23' 24"	105° 29' 40"	09° 21' 10"	105° 29' 10"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
kênh Tường Thắng	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 20' 45"	105° 30' 59"	09° 19' 50"	105° 31' 00"	C-48-68-A-c
kênh Trường Toà	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 30"	105° 31' 11"	09° 20' 45"	105° 30' 59"	C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Mỹ-Phước Long	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 16' 17"	105° 35' 17"	09° 26' 17"	105° 27' 33"	C-48-67-B-b, C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Phong	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 24' 28"	105° 25' 37"	09° 15' 39"	105° 32' 48"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 6	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 19' 36"	105° 24' 48"	09° 21' 16"	105° 27' 45"	C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 7	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 23' 24"	105° 29' 40"	09° 21' 49"	105° 27' 49"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
kênh Vĩnh Phong 9	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 22' 33"	105° 30' 22"	09° 20' 44"	105° 28' 08"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Vĩnh Phong 11	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 19' 36"	105° 28' 53"	09° 21' 32"	105° 30' 58"	C-48-67-B-d, C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Vĩnh Phong 13	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 01"	105° 31' 34"	09° 19' 06"	105° 29' 33"	C-48-68-A-c
kênh Xã Tá	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long			09° 21' 26"	105° 27' 40"	09° 21' 33"	105° 27' 48"	C-48-67-B-b, C-48-67-B-d
ngã tư Láng Sáu Phèn	TV	xã Vĩnh Thanh	H. Phước Long	09° 20' 36"	105° 27' 41"					C-48-67-B-d
ấp Bà Chằng	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 13"	105° 45' 38"					C-48-68-B-c
ấp Cái Dây	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 43"	105° 42' 49"					C-48-68-A-d
ấp Mặc Dây	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 09"	105° 44' 55"					C-48-68-A-d
ấp Nhà Thờ	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 01"	105° 46' 47"					C-48-68-B-a
ấp Tân Tạo	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 24"	105° 43' 02"					C-48-68-A-d
ấp Thông Lưu B	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 04"	105° 43' 15"					C-48-68-A-d
ấp Xẻo Chích	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 12"	105° 42' 45"					C-48-68-A-d
ấp Xẻo Lá	DC	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 46"	105° 44' 04"					C-48-68-A-d
cầu Cái Dây	KX	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 46"	105° 42' 47"					C-48-68-A-d
miếu Quang Đế	KX	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 18' 53"	105° 43' 06"					C-48-68-A-d
Quốc lộ 1	KX	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-d
kênh Bà Chằng	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 42"	105° 45' 55"	09° 22' 30"	105° 44' 49"	C-48-68-B-c, C-48-68-B-a, C-48-68-A-b
kênh Ba Đa	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 18"	105° 42' 22"	09° 18' 50"	105° 42' 42"	C-48-68-A-d
kênh Bờ Bao	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 21"	105° 43' 42"	09° 18' 16"	105° 44' 32"	C-48-68-A-d
kênh Chế Ạc	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 11"	105° 43' 17"	09° 22' 21"	105° 44' 15"	C-48-68-A-d
kênh Mặc Dây	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 16"	105° 44' 43"	09° 24' 05"	105° 44' 25"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
kênh Nàng Rền	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 48"	105° 41' 09"	09° 22' 51"	105° 46' 30"	C-48-68-B-a, C-48-68-B-c, C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Ông Cha	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 15"	105° 46' 51"	09° 22' 39"	105° 45' 32"	C-48-68-B-a
kênh Phú Tòng	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 02"	105° 47' 02"	09° 23' 40"	105° 46' 29"	C-48-68-B-a
kênh Tám Thước	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 23"	105° 43' 54"	09° 20' 05"	105° 44' 33"	C-48-68-A-d, C-48-68-B-c
kênh Tân Tạo	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 02"	105° 42' 07"	09° 18' 56"	105° 42' 23"	C-48-68-A-d
kênh Tư Bal	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 37"	105° 43' 24"	09° 20' 49"	105° 44' 03"	C-48-68-A-d
kênh Xóm Lớn	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 45"	105° 42' 44"	09° 20' 02"	105° 42' 07"	C-48-68-A-d
rạch Trà Vắn	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 51"	105° 43' 05"	09° 19' 21"	105° 43' 42"	C-48-68-A-d
Sông Cái	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 52"	105° 42' 59"	09° 22' 55"	105° 46' 53"	C-48-68-A-d, C-48-68-B-c
sông Thông Lưu	TV	TT. Châu Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 33"	105° 43' 01"	09° 20' 55"	105° 43' 18"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
ấp Chắc Đốt	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 00"	105° 46' 20"					C-48-68-B-a
ấp Hà Đức	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 59"	105° 43' 44"					C-48-68-A-b
ấp Nhà Dài A	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 56"	105° 44' 40"					C-48-68-A-b
ấp Nhà Dài B	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 20"	105° 45' 26"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Long	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 15"	105° 46' 14"					C-48-68-B-a
ấp Thông Lưu A	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 03"	105° 43' 20"					C-48-68-A-d
ấp Trà Ban 1	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 38"	105° 42' 40"					C-48-68-A-b
ấp Trà Ban 2	DC	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 19"	105° 43' 22"					C-48-68-A-b
cầu Nàng Rền	KX	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 44"	105° 42' 41"					C-48-68-A-b
cầu Xã Bảo	KX	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 07"	105° 42' 39"					C-48-68-A-b
Di tích lịch sử Trận đánh đồn Cầu Trâu năm 1962	KX	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 11"	105° 42' 37"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
kênh Châu Hưng A	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 18"	105° 42' 38"	09° 23' 17"	105° 45' 18"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-b
kênh Chế Ấc	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 11"	105° 43' 17"	09° 22' 21"	105° 44' 15"	C-48-68-A-d
kênh Mặc Đây	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 16"	105° 44' 43"	09° 24' 05"	105° 44' 25"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-d
kênh Nàng Rền	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 48"	105° 41' 09"	09° 22' 51"	105° 46' 30"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-d
kênh Trà Hắc	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 42"	105° 44' 08"	09° 22' 23"	105° 43' 01"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-d
rạch Công Điền	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 16"	105° 43' 30"	09° 24' 09"	105° 44' 07"	C-48-68-A-b
rạch Nàng Rền	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 54"	105° 42' 28"	09° 23' 27"	105° 43' 02"	C-48-68-A-b
rạch Tầm Vu	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 05"	105° 47' 02"	09° 24' 01"	105° 46' 22"	C-48-68-B-a
rạch Trâm Bầu	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 40"	105° 46' 29"	09° 24' 44"	105° 45' 00"	C-48-68-B-a
sông Công Điền	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 10"	105° 44' 07"	09° 24' 43"	105° 44' 58"	C-48-68-A-b
sông Hà Đức	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 42"	105° 44' 08"	09° 22' 33"	105° 43' 01"	C-48-68-A-d
sông Thông Lưu	TV	xã Châu Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 33"	105° 43' 01"	09° 20' 55"	105° 43' 18"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
ấp B1	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 54"	105° 37' 49"					C-48-68-A-b
ấp B2	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 33"	105° 36' 44"					C-48-68-A-a
ấp Bà Chằng A	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 01"	105° 38' 26"					C-48-68-A-b
ấp Bà Chằng B	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 30"	105° 38' 26"					C-48-68-A-b
ấp Bào Sen	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 33"	105° 39' 43"					C-48-68-A-b
ấp Cai Điều	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 13"	105° 40' 14"					C-48-68-A-d
ấp Công Điền	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 14"	105° 40' 22"					C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Giồng Bướm A	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 24"	105° 38' 20"					C-48-68-A-d
ấp Giồng Bướm B	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 33"	105° 37' 38"					C-48-68-A-d
ấp Nàng Rền	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 53"	105° 41' 18"					C-48-68-A-d
ấp Nhà Việc	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 31"	105° 41' 08"					C-48-68-A-d
ấp Trà Hắt	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 00"	105° 40' 23"					C-48-68-A-d
ấp Tràm 1	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 15"	105° 38' 48"					C-48-68-A-d
ấp Xóm Lớn	DC	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 20"	105° 41' 59"					C-48-68-A-d
cầu Châu Thới	KX	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 02"	105° 39' 28"					C-48-68-A-d
Cầu Đình	KX	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 18"	105° 41' 31"					C-48-68-A-d
chùa Giác Hoa	KX	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 57"	105° 42' 32"					C-48-68-A-d
Di tích lịch sử Khu căn cứ Huyện uỷ Vĩnh Lợi	KX	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 01"	105° 40' 23"					C-48-68-A-d
đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 54"	105° 38' 28"					C-48-68-A-b
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c, C-48-68-A-a
kênh Cô Tây	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 52"	105° 36' 26"	09° 23' 30"	105° 37' 53"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-b
Kênh Cùng	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 01"	105° 39' 33"	09° 23' 03"	105° 38' 25"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-d
kênh Đường Châu	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 32"	105° 40' 05"	09° 22' 24"	105° 39' 08"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
kênh Giồng Bướm	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 02"	105° 39' 27"	09° 21' 44"	105° 37' 27"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-c
kênh Hàng Bần	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 52"	105° 39' 33"	09° 21' 17"	105° 39' 48"	C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Nàng Rền	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 48"	105° 41' 09"	09° 22' 51"	105° 46' 30"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 17"	105° 39' 45"	09° 21' 56"	105° 39' 05"	C-48-68-A-d
kênh Ngang Bào Sen	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 07"	105° 40' 32"	09° 23' 30"	105° 40' 17"	C-48-68-A-b
kênh Nhà Việc	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 30"	105° 41' 17"	09° 22' 34"	105° 41' 20"	C-48-68-A-d, C-48-68-A-b
kênh Thanh Niên	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 18"	105° 36' 56"	09° 22' 54"	105° 37' 22"	C-48-68-A-c, C-48-68-A-a
kênh Thời Chiến	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 45"	105° 42' 42"	09° 18' 56"	105° 39' 56"	C-48-68-A-d
kênh Vàm Đình	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 53"	105° 38' 26"	09° 22' 58"	105° 37' 11"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-a
kênh Xẻo Gừa	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 53"	105° 38' 13"	09° 21' 58"	105° 38' 17"	C-48-68-A-d
kênh Xóm Lớn	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 45"	105° 42' 44"	09° 20' 02"	105° 42' 07"	C-48-68-A-d
rạch Ba Cùm	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 05"	105° 40' 35"	09° 21' 34"	105° 40' 59"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-d
rạch Bà Chằng	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 27"	105° 36' 54"	09° 22' 01"	105° 39' 34"	C-48-68-A-b, C-48-68-A-a
rạch Cai Điều	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 55"	105° 39' 04"	09° 20' 02"	105° 42' 07"	C-48-68-A-d
rạch Công Điền	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 10"	105° 40' 28"	09° 21' 29"	105° 40' 56"	C-48-68-A-d
rạch Tàn Xù	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 15"	105° 38' 08"	09° 23' 09"	105° 40' 54"	C-48-68-A-b
sông Trà Hắt	TV	xã Châu Thới	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 01"	105° 39' 34"	09° 21' 34"	105° 40' 58"	C-48-68-A-d
ấp Bung Xúc	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 34"	105° 46' 18"					C-48-68-B-c
ấp Cà Vĩnh	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 30"	105° 46' 38"					C-48-68-B-c
ấp Cái Giá	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 10"	105° 44' 43"					C-48-68-A-d
ấp Cù Lao	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 18' 23"	105° 44' 47"					C-48-68-A-d
ấp Đay Tà Ni	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 54"	105° 44' 51"					C-48-68-A-d
ấp Giá Tiểu	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 15"	105° 45' 29"					C-48-68-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Nước Mặn	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 18"	105° 47' 45"					C-48-68-B-c
ấp Phú Tòng	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 40"	105° 46' 46"					C-48-68-B-c
ấp Sóc Đồn	DC	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 00"	105° 45' 37"					C-48-68-B-c
chùa Buppha-Ram	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 33"	105° 44' 40"					C-48-68-A-d
chùa Ghosita-Ram	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 18' 28"	105° 44' 58"					C-48-68-A-d
chùa Hưng Thiện	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 36"	105° 47' 20"					C-48-68-B-c
chùa Long Quang	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 18' 48"	105° 45' 26"					C-48-68-B-c
chùa Sorya-Ram	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 05"	105° 44' 54"					C-48-68-A-d
đường tỉnh Bạc Liêu-Hưng Thành (ĐT.976)	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 13"	105° 44' 36"	09° 22' 18"	105° 48' 34"	C-48-68-A-d, C-48-68-B-c
miếu Ông Bồn	KX	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi	09° 18' 56"	105° 45' 46"					C-48-68-B-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 21"	105° 43' 42"	09° 18' 16"	105° 44' 32"	C-48-68-A-d
kênh Bưng Xúc	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 39"	105° 46' 25"	09° 20' 51"	105° 47' 03"	C-48-68-B-c
kênh Cà Vĩnh	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 26"	105° 46' 47"	09° 20' 26"	105° 46' 22"	C-48-68-B-c
kênh Đay Tà Ni	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 04"	105° 44' 34"	09° 20' 31"	105° 45' 48"	C-48-68-A-d, C-48-68-B-c
kênh Giá Tiểu	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 22"	105° 45' 23"	09° 19' 54"	105° 46' 04"	C-48-68-B-c
kênh Nội Đồng	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 00"	105° 44' 43"	09° 18' 39"	105° 44' 13"	C-48-68-A-d
kênh Nước Mặn-Phú Tòng	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 04"	105° 47' 57"	09° 21' 14"	105° 47' 32"	C-48-68-B-c
kênh Phú Tòng	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 00"	105° 46' 38"	09° 21' 14"	105° 47' 32"	C-48-68-B-c
kênh Sóc Đồn	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 37"	105° 45' 25"	09° 20' 05"	105° 44' 33"	C-48-68-A-d, C-48-68-B-c
kênh Tầm Bé	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 30"	105° 45' 54"	09° 20' 26"	105° 46' 22"	C-48-68-B-c
sông Bạc Liêu	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c, C-48-68-A-d
Sông Cái	TV	xã Hưng Hội	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 52"	105° 42' 59"	09° 22' 55"	105° 46' 53"	C-48-68-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Gia Hội	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 27"	105° 48' 17"					C-48-68-B-c
ấp Hoàng Quân 1	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 34"	105° 49' 15"					C-48-68-B-a
ấp Hoàng Quân 2	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 01"	105° 49' 55"					C-48-68-B-a
ấp Hoàng Quân 3	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 04"	105° 51' 05"					C-48-68-B-a
ấp Năm Căn	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 58"	105° 48' 53"					C-48-68-B-c
ấp Ngọc Đước	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 56"	105° 51' 20"					C-48-68-B-c
ấp Nhà Thờ	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 54"	105° 46' 40"					C-48-68-B-a
ấp Phú Tòng	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 51"	105° 47' 05"					C-48-68-B-c
ấp Quốc Kỳ	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 15"	105° 47' 47"					C-48-68-B-c
ấp Vườn Cò	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 17"	105° 50' 19"					C-48-68-B-c
ấp Xẻo Nhào	DC	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 44"	105° 49' 00"					C-48-68-B-a
cầu Hưng Thành	KX	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 28"	105° 48' 43"					C-48-68-B-c
đường tỉnh Bạc Liêu-Hưng Thành (ĐT.976)	KX	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 13"	105° 44' 36"	09° 22' 18"	105° 48' 34"	C-48-68-B-c
nhà thờ Nàng Rền	KX	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 57"	105° 47' 01"					C-48-68-B-a
kênh Ba Hăng-Chín Hoà	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 11"	105° 49' 49"	09° 22' 58"	105° 49' 13"	C-48-68-B-c
kênh Năm Căn-Gia Hội	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 41"	105° 49' 03"	09° 22' 17"	105° 48' 35"	C-48-68-B-c
kênh Nước Mặn-Phú Tòng	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 04"	105° 47' 57"	09° 21' 14"	105° 47' 32"	C-48-68-B-c
kênh Nhà Thờ-Vàm Léo	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 40"	105° 51' 26"	09° 22' 55"	105° 46' 54"	C-48-68-B-a, C-48-68-B-c
kênh Ông Cha	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 14"	105° 47' 32"	C-48-68-B-c, C-48-68-B-a
kênh Ông Chuối-Chín Bé	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 11"	105° 50' 15"	09° 24' 04"	105° 50' 15"	C-48-68-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Ông Thại-Út Gỡ	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 19"	105° 50' 13"	09° 23' 30"	105° 49' 57"	C-48-68-B-a, C-48-68-B-c
kênh Phú Tòng	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 00"	105° 46' 38"	09° 21' 14"	105° 47' 32"	C-48-68-B-c
kênh Thông Lưu-Ba Thành	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 24"	105° 48' 15"	09° 22' 36"	105° 47' 35"	C-48-68-B-a, C-48-68-B-c
rạch Quốc Kỳ	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 24"	105° 48' 15"	09° 21' 14"	105° 47' 32"	C-48-68-B-c
sông Bạc Liêu	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 49"	105° 40' 54"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c
Sông Cái	TV	xã Hưng Thành	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 52"	105° 42' 59"	09° 22' 55"	105° 46' 53"	C-48-68-B-c, C-48-68-B-a
ấp Béc Hen Lớn	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 31"	105° 40' 33"					C-48-68-A-d
ấp Béc Hen Nhỏ	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 08"	105° 41' 10"					C-48-68-A-d
ấp Cái Tràm A1	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 23"	105° 39' 11"					C-48-68-A-d
ấp Cái Tràm A2	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 16' 59"	105° 39' 05"					C-48-68-A-d
ấp Cây Điều	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 20' 09"	105° 40' 08"					C-48-68-A-d
ấp Hoà Linh	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 10"	105° 41' 09"					C-48-68-A-d
ấp Phước Thạnh 1	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 28"	105° 39' 57"					C-48-68-A-d
ấp Phước Thạnh 2	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 41"	105° 40' 38"					C-48-68-A-d
ấp Tân Long	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 56"	105° 40' 46"					C-48-68-A-d
ấp Trà Khứa	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 52"	105° 42' 04"					C-48-68-A-d
ấp Tràm 1	DC	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 19' 20"	105° 39' 32"					C-48-68-A-d
cầu Cái Tràm	KX	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 15"	105° 39' 01"					C-48-68-A-d
cầu Dân Xây	KX	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 17' 53"	105° 40' 52"					C-48-68-A-d
đình Tân Long	KX	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi	09° 18' 15"	105° 40' 29"					C-48-68-A-d
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-68-A-d

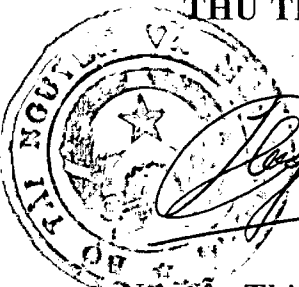
Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 44"	105° 42' 41"	09° 10' 34"	105° 16' 37"	C-48-68-A-d
kênh Béc Hen Lớn	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 20"	105° 40' 29"	09° 20' 02"	105° 40' 29"	C-48-68-A-d
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-d
kênh Chùa Phật-Nhà Mát	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 16' 48"	105° 41' 17"	09° 16' 06"	105° 39' 17"	C-48-68-A-d
kênh Hoà Bình 23	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 51"	105° 39' 05"	09° 18' 00"	105° 36' 40"	C-48-68-A-d
kênh Hoà Bình 25	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 53"	105° 39' 57"	09° 16' 57"	105° 36' 58"	C-48-68-A-d
kênh Hoà Bình 27	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 19"	105° 40' 28"	09° 17' 32"	105° 39' 19"	C-48-68-A-d
kênh Long Hà	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 24"	105° 39' 38"	09° 16' 22"	105° 40' 02"	C-48-68-A-d
kênh Ông Cẩn	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 16' 09"	105° 40' 41"	09° 17' 37"	105° 40' 19"	C-48-68-A-d
kênh Tám Thước	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 08"	105° 40' 39"	09° 18' 33"	105° 42' 08"	C-48-68-A-d
kênh Tân Tạo	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 02"	105° 42' 07"	09° 18' 56"	105° 42' 23"	C-48-68-A-d
kênh Thời Chiến	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 45"	105° 42' 42"	09° 18' 56"	105° 39' 56"	C-48-68-A-d
kênh Út Cương	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 12"	105° 41' 09"	09° 17' 01"	105° 40' 31"	C-48-68-A-d
kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 10' 30"	105° 16' 38"	09° 17' 49"	105° 40' 55"	C-48-68-A-d
rạch Bào Muối-Hoà Linh	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 58"	105° 38' 42"	09° 17' 18"	105° 39' 01"	C-48-68-A-d
rạch Bào Ráng	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 56"	105° 38' 22"	09° 20' 34"	105° 38' 12"	C-48-68-A-d
rạch Cai Điều	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 19' 55"	105° 39' 04"	09° 20' 02"	105° 42' 07"	C-48-68-A-d
rạch Cái Phóc	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 15' 41"	105° 39' 27"	09° 17' 12"	105° 39' 01"	C-48-68-A-d
rạch Dân Xây	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 16' 28"	105° 41' 32"	09° 17' 48"	105° 40' 55"	C-48-68-A-d
rạch Giồng Tra	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 15' 41"	105° 39' 27"	09° 17' 46"	105° 42' 14"	C-48-68-A-d
rạch Trà Khứa	TV	xã Long Thạnh	H. Vĩnh Lợi			09° 18' 56"	105° 42' 23"	09° 18' 10"	105° 40' 44"	C-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Đông Hưng	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 59"	105° 37' 21"					C-48-68-A-a
ấp Nam Hưng	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 22"	105° 36' 36"					C-48-68-A-c
ấp Nam Thạnh	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 15"	105° 35' 52"					C-48-68-A-c
ấp Tam Hưng	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 57"	105° 36' 18"					C-48-68-A-a
ấp Thạnh Hưng 1	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 22' 16"	105° 34' 56"					C-48-68-A-c
ấp Thạnh Hưng 2	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 21' 51"	105° 33' 55"					C-48-68-A-c
ấp Trần Nghĩa	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 11"	105° 38' 00"					C-48-68-A-b
ấp Trung Hưng 2	DC	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 39"	105° 35' 45"					C-48-68-A-a
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Cô Sáu Khoẻ	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 24"	105° 35' 55"	09° 23' 43"	105° 32' 12"	C-48-68-A-a
kênh Cô Tây	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 52"	105° 36' 26"	09° 23' 30"	105° 37' 53"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-b
kênh Đông Hưng-Trần Nghĩa	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 01"	105° 39' 34"	09° 24' 27"	105° 36' 54"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-b
kênh Hoà Bình	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 27' 37"	105° 28' 58"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 15	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 26"	105° 34' 04"	09° 23' 13"	105° 36' 05"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Lung Cừ	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 29"	105° 34' 28"	09° 22' 49"	105° 33' 48"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Lung Lác-Vườn Tràm	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 29"	105° 34' 28"	09° 23' 22"	105° 34' 25"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Miếu Hội	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 03"	105° 35' 22"	09° 24' 37"	105° 36' 54"	C-48-68-A-a
kênh Mợ Hai	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 24"	105° 35' 57"	09° 23' 19"	105° 37' 11"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Năm Tùng	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 49"	105° 37' 20"	09° 21' 55"	105° 36' 18"	C-48-68-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 02"	105° 33' 35"	09° 21' 51"	105° 34' 32"	C-48-68-A-c
rạch Cây Đông	TV	xã Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 23"	105° 33' 18"	09° 22' 39"	105° 34' 02"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
ấp Bắc Hưng	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 06"	105° 35' 20"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Phú Đông	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 19"	105° 34' 19"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Trinh	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 05"	105° 34' 14"					C-48-68-A-a
ấp Nguyễn Điền	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 25' 02"	105° 35' 40"					C-48-68-A-a
ấp Trung Hưng	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 08"	105° 35' 12"					C-48-68-A-a
ấp Trung Hưng 1A	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 26"	105° 35' 27"					C-48-68-A-a
ấp Trung Hưng 1B	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 07"	105° 34' 23"					C-48-68-A-a
ấp Trung Hưng 3	DC	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 24' 36"	105° 34' 47"					C-48-68-A-a
đường tỉnh Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa (ĐT.978, QL.63)	KX	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 17' 51"	105° 40' 48"	09° 35' 31"	105° 21' 20"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
tháp Vĩnh Hưng	KX	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi	09° 23' 35"	105° 34' 35"					C-48-68-A-a
kênh Bà Bèo	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 07"	105° 33' 29"	09° 22' 49"	105° 33' 48"	C-48-68-A-a
kênh Cầu Sập-Ngan Dừa	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 35' 36"	105° 24' 58"	09° 17' 49"	105° 40' 54"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Cô Sáu Khoẻ	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 24"	105° 35' 55"	09° 23' 43"	105° 32' 12"	C-48-68-A-a
kênh Cơ Nhì	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 45"	105° 34' 44"	09° 25' 29"	105° 35' 09"	C-48-68-A-a
kênh Chùa Tháp	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 27"	105° 34' 28"	09° 23' 56"	105° 34' 47"	C-48-68-A-a
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 25' 20"	105° 36' 04"	09° 25' 00"	105° 36' 09"	C-48-68-A-a
kênh Hai Nghé	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 13"	105° 35' 13"	09° 25' 13"	105° 35' 09"	C-48-68-A-a
kênh Hào Xén	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 06"	105° 31' 31"	09° 23' 27"	105° 33' 03"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hoà Bình	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 27' 37"	105° 28' 58"	09° 18' 06"	105° 36' 35"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 11	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 08"	105° 32' 41"	09° 24' 25"	105° 34' 07"	C-48-68-A-a
kênh Hoà Bình 13	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 03"	105° 35' 20"	09° 22' 23"	105° 33' 18"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Hoà Bình 15	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 21' 26"	105° 34' 04"	09° 23' 13"	105° 36' 05"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Lung Cù	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 29"	105° 34' 28"	09° 22' 49"	105° 33' 48"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Lung Lác	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 22"	105° 34' 25"	09° 22' 40"	105° 34' 27"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c
kênh Miếu Hội	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 03"	105° 35' 22"	09° 24' 37"	105° 36' 54"	C-48-68-A-a
kênh Mỹ Trinh	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 23' 23"	105° 34' 27"	09° 24' 50"	105° 33' 50"	C-48-68-A-a
kênh Tư Châu	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 22' 52"	105° 32' 54"	09° 23' 07"	105° 33' 29"	C-48-68-A-a
kênh Tư Thao	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 24' 14"	105° 36' 28"	09° 25' 00"	105° 36' 09"	C-48-68-A-a
kênh Xóm Giữa	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 25' 07"	105° 36' 00"	09° 25' 23"	105° 35' 06"	C-48-68-A-a
rạch Cây Đông	TV	xã Vĩnh Hưng A	H. Vĩnh Lợi			09° 20' 23"	105° 33' 18"	09° 22' 39"	105° 34' 02"	C-48-68-A-a, C-48-68-A-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Thị Phương Hoa